BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

**VỤ GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ VÀ CÔNG TÁC HỌC SINH, SINH VIÊN**

**TÀI LIỆU TẬP HUẤN**

**BỒI DƯỠNG CHUYÊN MÔN, NGHIỆP VỤ CHO CÁN BỘ, GIÁO VIÊN, NHÂN VIÊN THỰC HIỆN CÔNG TÁC XÃ HỘI TRƯỜNG HỌC TẠI CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC**

**Hà Nội, tháng 8 năm 2022**

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

**VỤ GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ VÀ CÔNG TÁC HỌC SINH, SINH VIÊN**

**TÀI LIỆU TẬP HUẤN**

**BỒI DƯỠNG CHUYÊN MÔN, NGHIỆP VỤ CHO CÁN BỘ, GIÁO VIÊN, NHÂN VIÊN THỰC HIỆN CÔNG TÁC XÃ HỘI TRƯỜNG HỌC TẠI CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC**

**Nhóm tác giả:**

**PGS.TS. Nguyễn Thanh Bình**

**TS. Phạm Văn Tư**

**ThS. Đỗ Nghiêm Thanh Phương**

**Hà Nội, tháng 8 năm 2022**

**MỤC LỤC**

[LỜI MỞ ĐẦU 3](#_Toc112566684)

[CHUYÊN ĐỀ 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CÔNG TÁC XÃ HỘI TRƯỜNG HỌC 5](#_Toc112566685)

[1.1. Công tác xã hội trường học là gì? 5](#_Toc112566686)

[1.2. Nhân viên công tác xã hội trường học 9](#_Toc112566687)

[1.3. Phân biệt giữa công tác xã hội trường học và tham vấn trường học 10](#_Toc112566688)

[CHUYÊN ĐỀ 2. VAI TRÒ VÀ CHỨC NĂNG CỦA CÔNG TÁC XÃ HỘI TRƯỜNG HỌC 13](#_Toc112566689)

[2.1. Vai trò chung của công tác xã hội trường học 13](#_Toc112566690)

[*2.1.1. Với học sinh* 13](#_Toc112566691)

[*2.1.2. Với các bậc phụ huynh* 13](#_Toc112566692)

[*2.1.3. Với các thầy cô giáo* 13](#_Toc112566693)

[*2.1.4. Với các nhà quản lý giáo dục* 13](#_Toc112566694)

[2.2. Vai trò của công tác xã hội trường học với những vấn đề nảy sinh trong trường học 16](#_Toc112566695)

[*2.2.1. Vai trò của công tác xã hội với vấn đề bạo lực học đường* 16](#_Toc112566696)

[*2.2.1.1. Khái quát chung về bạo lực học đường* 16](#_Toc112566697)

[*2.2.1.2. Vai trò của công tác xã hội trường học trong việc phòng chống và trợ giúp giải quyết vấn đề bạo lực học đường* 19](#_Toc112566698)

[*2.2.2 Vai trò của công tác xã hội với vấn đề sức khỏe tâm thần của học sinh* 20](#_Toc112566699)

[*2.2.2.1. Những vấn đề chung về sức khỏe tâm thần và sức khỏe tâm thần trẻ em* 20](#_Toc112566700)

[*2.2.2.2. Vai trò của công tác xã hội trường học với vấn đề sức khoẻ tâm thần của học sinh* 21](#_Toc112566701)

[*2.2.3. Vai trò của bạo lực học đường trường học đối với vấn đề nghiện game ở học sinh* 24](#_Toc112566702)

[*2.2.3.1. Khái niệm về nghiện game* 24](#_Toc112566703)

[*2.2.3.2. Vai trò của nhân viên công tác xã hội trường học trong việc hỗ trợ giải quyết vấn đề nghiện game ở học sinh* 27](#_Toc112566704)

[*2.2.4. Vai trò của công tác xã hội với vấn đề áp lực học tập* 28](#_Toc112566705)

[*2.2.4.1. Khái niệm áp lực học tập* 29](#_Toc112566706)

[*2.2.4.2. Nguyên nhân dẫn đến áp lực học tập* 29](#_Toc112566707)

[*2.2.4.3. Hậu quả của áp lực học tập* 32](#_Toc112566708)

[*2.2.5. Vai trò của công tác xã hội với vấn đề xã hội nảy sinh giữa thầy, cô giáo với học sinh* 33](#_Toc112566709)

[*2.2.5.1. Vấn đề nảy sinh từ thái độ ứng xử giữa giáo viên và học sinh* 33](#_Toc112566710)

[*2.2.5.2. Bạo lực giữa thầy cô với học sinh* 33](#_Toc112566711)

[CHUYÊN ĐỀ 3. QUY TRÌNH TRIỂN KHAI CÔNG TÁC XÃ HỘI TRƯỜNG HỌC 35](#_Toc112566712)

[3.1. Rà soát phát hiện nguy cơ 35](#_Toc112566713)

[*3.1.1. Mục đích và yêu cầu của việc rà soát phát hiện nguy cơ* 35](#_Toc112566714)

[*3.1.2. Nội dung rà soát phát hiện nguy cơ* 36](#_Toc112566715)

[3.2. Phòng ngừa 37](#_Toc112566716)

[*3.2.1. Mục đích của hoạt động phòng ngừa* 37](#_Toc112566717)

[*3.2.2. Nội dung hoạt động phòng ngừa* 37](#_Toc112566718)

[*3.2.3. Cách thức tiến hành* 37](#_Toc112566719)

[3.3. Can thiệp, trợ giúp 41](#_Toc112566720)

[3.4. Hỗ trợ phát triển 43](#_Toc112566721)

[CHUYÊN ĐỀ 4. KỸ NĂNG CÔNG TÁC XÃ HỘI TRƯỜNG HỌC 46](#_Toc112566722)

[4.1. Nhóm kỹ năng cơ bản 46](#_Toc112566723)

[4.2. Nhóm kỹ năng chuyên biệt 52](#_Toc112566724)

[*4.2.1. Kỹ năng phát hiện sớm vấn đề của học sinh* 52](#_Toc112566725)

[*4.2.2. Kỹ năng xây dựng và tổ chức các hoạt động phòng ngừa trong nhà trường* 55](#_Toc112566726)

[*4.2.3. Kỹ năng phối hợp các lực lượng giáo dục trong hỗ trợ học sinh* 60](#_Toc112566727)

[*4.2.4. Kỹ năng lập và lưu trữ hồ sơ của học sinh* 62](#_Toc112566728)

[DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO 64](#_Toc112566729)

# LỜI MỞ ĐẦU

Công tác xã hội ra đời từ đầu thế kỷ XX và phát triển như một ngành khoa học, hướng vào việc trợ giúp cho cá nhân, nhóm, cộng đồng trong xã hội, nâng cao năng lực của họ để khắc phục các vấn đề nảy sinh trong đời sống xã hội. Tại nhiều quốc gia trên thế giới, ngành công tác xã hội đóng vai trò không thể thay thế trong việc hỗ trợ cung cấp các dịch vụ xã hội.

Ngày 22/01/2021, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 112/QĐ-TTg ban hành Chương trình phát triển công tác xã hội giai đoạn 2021-2030 nhằm tiếp tục đẩy mạnh phát triển công tác xã hội tại các ngành, các cấp, phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế – xã hội của đất nước theo từng giai đoạn; đảm bảo nâng cao nhận thức của toàn xã hội về công tác xã hội; đẩy mạnh xã hội hóa, nâng cao chất lượng dịch vụ công tác xã hội trên các lĩnh vực, đáp ứng nhu cầu cung cấp dịch vụ công tác xã hội của người dân, hướng tới mục tiêu phát triển xã hội công bằng và hiệu quả.

Trong thời gian qua, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành một số văn bản liên quan đến Công tác xã hội, đặc biệt có Thông tư số 33/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 về hướng dẫn Công tác xã hội trong trường học nhằm hướng dẫn các nhà trường về nguyên tắc, nội dung và trách nhiệm thực hiện công tác xã hội trong trường học với mục tiêu, nâng cao kiến thức và kỹ năng để người học tự giải quyết các khó khăn, căng thẳng, khủng hoảng tạm thời về tâm lý, phát huy tiềm năng, năng lực học tập của bản thân. Bảo vệ người học trước nguy cơ bị xâm hại, bị bạo lực, phòng tránh các tệ nạn xã hội, hạn chế tình trạng người học bỏ học, vi phạm pháp luật.

Ngày 30/12/2021, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành Quyết định số 4969/QĐ-BGDĐT về ban hành Kế hoạch phát triển Công tác xã hội trong ngành Giáo dục giai đoạn 2021-2025 với mục đích “*Tiếp tục phát triển công tác xã hội trong ngành Giáo dục phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của từng giai đoạn; hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật về công tác xã hội; đẩy mạnh xã hội hoá, phát triển dịch vụ công tác xã hội trong các cơ sở giáo dục trên toàn quốc; thiết lập mạng lưới nhân viên công tác xã hội trong trường học; nghiên cứu sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện chương trình, giáo trình, phương pháp đào tạo công tác xã hội trình độ đại học và sau đại học theo hướng hội nhập quốc tế, nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên công tác xã hội*”. Hằng năm, Bộ GDĐT phối hợp với các bộ ngành TW, TW Đoàn TNCS Hồ Chí Minh chỉ đạo hướng dẫn các Sở Giáo dục và Đào tạo, Đoàn TN, Hội đồng đội các tỉnh, thành phố thực hiện các hoạt động hỗ trợ học sinh trong trường học; Phối hợp tích cực với Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội và các tổ chức quốc tế để triển khai thực hiện phát triển công tác xã hội trong trường học.

Công tác xã hội trường học có vai trò rất quan trọng trong việc giải quyết vấn đề của nhà trường thông qua quá trình tác động vào 04 đối tượng chính ở trường học đó là học sinh, phụ huynh, thầy cô giáo và cán bộ quản lý giáo dục với những hoạt động từ phòng ngừa đến giải quyết vấn đề. Công tác xã hội trường học trở thành cầu nối giữa học sinh, gia đình và nhà trường nhằm giúp các em có điều kiện và phát huy khả năng học tập tốt nhất, phòng ngừa và giải quyết các vấn đề sức khỏe tâm thần. Có thể thấy rằng công tác xã hội hiện nay là công cụ hỗ trợ đắc lực giúp nhà trường giải quyết những vấn đề các em gặp phải một cách hiệu quả nhất.

Trên thực tế, hoạt động công tác xã hội trường học đã có ở một số trường học triển khai song còn mang nặng tính hình thức, chưa hiệu quả, chưa đáp ứng được nhu cầu của học sinh. Chính vì vậy, mục đích của bộ Tài liệu Tập huấn này hướng đến: Tuyên truyền nâng cao nhận thức của cán bộ, giáo viên ở các trường phổ thông trong cả nước về vai trò của công tác xã hội trong hỗ trợ cho học sinh; cung cấp kiến thức cơ bản về quy trình, nguyên tắc, kỹ năng của công tác xã hội trường học trong hỗ trợ học sinh, đặc biệt là các nhóm trẻ em yếu thế; hướng dẫn thực hành các kỹ năng công tác xã hội, các bước triển khai công tác xã hội trong trường học.

Tài liệu này gồm 4 Chuyên đề: *Những vấn đề chung về công tác xã hội trường học*; 2. *Vai trò của công tác xã hội trong trợ giúp học sinh; 3. Quy trình triển khai công tác xã hội trường học; 4. Kỹ năng công tác xã hội trường học*. Chuyên đề 1 cung cấp các kiến thức về công tác xã hội trường học như khái niệm, đặc trưng, nguyên tắc; chuyên đề 2 tập trung vào các vấn đề của học sinh và vai trò của công tác xã hội trong trợ giúp học sinh; chuyên đề 3 tập trung vào quy trình của công tác xã hội trong trường học; chuyên đề 4 hướng dẫn một số kỹ năng chung cũng như kỹ năng cụ thể của công tác xã hội trường học.

# CHUYÊN ĐỀ 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CÔNG TÁC XÃ HỘI TRƯỜNG HỌC

**1.1. Công tác xã hội trường học là gì?**

Công tác xã hội là một khoa học ứng dụng nhằm tăng cường hiệu quả hoạt động của con người, tạo ra những chuyển biến xã hội và đem lại nền an sinh cho mọi người trong xã hội. Trên một thế kỷ qua, khoa học và nghề chuyên môn công tác xã hội đã hình thành và phát triển đem lại những lợi ích đáng kể thông qua việc cung cấp các dịch vụ hữu ích cho con người.

Đến nay, công tác xã hội có mặt tại 80 nước trên thế giới, đã và đang hỗ trợ cho những người yếu thế, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống, mang lại bình đẳng và công bằng xã hội. Với ý nghĩa quan trọng đó, công tác xã hội đã được đưa vào rất nhiều lĩnh vực khác nhau, như: Chăm sóc hỗ trợ những đối tượng thiệt thòi, yếu thế (trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, người khuyết tật,…) trong bệnh viện, toà án và đặc biệt là trong trường học.

Như vậy, có thể nói, công tác xã hội trường học là nền tảng thiết yếu của việc giảng dạy và giáo dục trong trường học, nó có một số đặc trưng sau đây:

Cụ thể, công tác xã hội trường học có những đặc điểm sau đây:

|  |
| --- |
| Công tác xã hội trường học là một trong những chuyên ngành quan trọng của công tác xã hội. Với kiến thức và kỹ năng chuyên môn của mình, các nhân viên công tác xã hội trường học tác động đến nhóm học sinh và cả hệ thống trường học. Nhân viên công tác xã hội trường học được coi là công cụ để thúc đẩy nhà trường đạt được các mục tiêu học tập và giảng dạy. Nhân viên công tác xã hội trường học cũng giúp cho học sinh nâng cao khả năng đáp ứng các nhiệm vụ học tập của mình thông qua sự phối kết hợp giữa gia đình, nhà trường và cộng đồng. |



*- Công tác xã hội trường học là một chuyên ngành của công tác xã hội:*

Như chúng ta đã biết, công tác xã hội là một nghề, một ngành như bao ngành nghề khác trong xã hội, giống như ngành giáo viên, luật sư, bác sĩ…Nếu như ngành giáo viên có những người là giáo viên văn, giáo viên toán…thì công tác xã hội cũng có những chuyên ngành riêng của mình như là công tác xã hội bệnh viện, công tác xã hội với người khuyết tật, công tác xã hội trong lĩnh vực khác nhau, trong đó có công tác xã hội trường học. Chính vì vậy, công tác xã hội trường học là một bộ phận, một lĩnh vực hay nói cách khác, là một chuyên ngành của công tác xã hội.

*- Công tác xã hội trường học là các dịch vụ công tác xã hội được thực hiện trong môi trường học đường:*

Dịch vụ công tác xã hội chính là các hoạt động hỗ trợ, đáp ứng các nhu cầu khác nhau cho các đối tượng tham gia vào trường học, chủ yếu vẫn là học sinh. Có thể kể ra đó là dịch vụ về sức khỏe tâm thần dành cho các học sinh có vấn đề về tâm lý, các dịch vụ hướng nghiệp, dạy nghề, tư vấn, các dịch vụ về chính sách và pháp luật, các dịch vụ giáo dục kỹ năng sống, dịch vụ giáo dục đặc biệt dành cho học sinh khuyết tật….

*- Công tác xã hội trường học do những nhân viên công tác xã hội có hệ thống kiến thức, kỹ năng riêng và được đào tạo về chuyên môn công tác xã hội:*

Trước hết, nếu công tác xã hội trường học chuyên nghiệp sẽ do nhân viên công tác xã hội đảm nhiệm. Họ có hệ thống kiến thức được đào tạo đó là hệ thống kiến thức về xã hội, về tâm lý, về chính sách, pháp luật, họ có kiến thức về các vấn đề xã hội; những nhân viên công tác xã hội trường học đó có cách giải quyết vấn đề, sử dụng kỹ năng riêng không giống như những người thuộc lĩnh vực khác. Đó là các phương pháp công tác xã hội cá nhân, nhóm, cộng đồng, quản lý trường hợp; đó là các kỹ năng huy động, kết nối nguồn lực, điều phối các nguồn lực và dịch vụ, đó là các kỹ năng biện hộ, tư vấn, giáo dục…

*- Công tác xã hội trường học giúp học sinh giải quyết các khó khăn, phát huy tốt khả năng học tập:*

Bất kỳ một học sinh nào trong trường học, trong những giai đoạn khác nhau, cũng có thể có những khó khăn nhất định, khó khăn đó không chỉ là những khó khăn về tâm lý, mà còn bao hàm những khó khăn khác ảnh hưởng đến quá trình học tập. Một học sinh nghèo, gia đình không có điều kiện cho tiền ăn sáng, khó có thể tập trung vào học tập, một học sinh thiếu dụng cụ học tập, khó có thể học tốt nhất, một học sinh có bố mẹ bỏ mặc, không quan tâm, khó có thể học tốt, một học sinh bị lạm dụng, bị xâm hại, khó có thể tham gia được bài học của thầy cô…Nhân viên công tác xã hội trường học sẽ giải quyết những vấn đề đó theo phương pháp của công tác xã hội. Và mặt khác, nhân viên công tác xã hội trường học tổ chức những hoạt động chung, những câu lạc bộ, những buổi sinh hoạt tập thể, những chương trình giáo dục kỹ năng sống để trang bị cho học sinh những kỹ năng phòng ngừa, phát huy thế mạnh của bản thân, tạo ra được một trạng thái sức khỏe tâm thần tốt nhất để tham gia vào quá trình học tập một cách hiệu quả nhất.

*- Công tác xã hội trường học là cầu nối giữa gia đình, nhà trường và cộng đồng xã hội trong việc giải quyết các vấn đề của học sinh:*

Điều này có hai ý sau. Trước hết, những vấn đề của học sinh có thể xảy ra trong trường học, tuy nhiên, nguyên nhân của nó có thể không phải chỉ là ở trường học. Thứ hai, giải quyết vấn đề đó không chỉ là giải quyết tại trường học mà cần có sự phối hợp giải quyết ở cả gia đình và ngoài cộng đồng, cần có sự tham gia và hợp tác của tất cả các môi trường này.

**Để giúp các thầy cô hình dung rõ hơn về công tác xã hội trường học, mời các thầy cô đọc phần phân tích trường hợp sau đây:**

|  |
| --- |
| Trường hợp là một học sinh khuyết tật trí tuệ nhẹ kèm tăng động giảm chú ý đến trường học hòa nhập, trẻ đang học lớp 1 cùng với 40 bạn khác, nhận thức và ngôn ngữ tương đương 4-5 tuổi, thỉnh thoảng có cơn động kinh nhẹ, chưa có giấy chứng nhận khuyết tật, gia đình hoàn cảnh khó khăn, đang ở cùng ông bà già yếu, không có thu nhập, bố mẹ đi làm thuê ở xa, thỉnh thoảng mới về.  Trước hết, mặc định trường tiểu học đó có nhân viên y tế học đường, có nhân viên tâm lý trường học. Với trường hợp này, người nhân viên y tế học đường theo dõi tình hình sức khỏe của trẻ, theo dõi các cơn động kinh để có hỗ trợ kịp thời; giáo viên chủ nhiệm sắp sếp chỗ ngồi gần cô và điều chỉnh bài giảng để trẻ dễ tiếp thu, nhân viên tâm lý trường học thì đánh giá và hỗ trợ em về tâm lý.  Tuy nhiên, vẫn nhiều vấn đề xảy ra trong lớp và trong trường học khi có bạn học sinh này đến trường. Trước hết, bạn thường xuyên không tập trung trong khi cô giảng bài, hay đứng lên đi lại trong lớp hoặc xin cô đi uống nước…gây nên sự gián đoạn trong quá trình cô giảng bài. Cô giáo thường xuyên phải xử lý những vấn đề như vậy. Các bạn khác không chơi với em do em hay trêu chọc và đôi khi có những hành động khá bạo lực như đẩy các bạn. Cha mẹ các học sinh khác trong trường gây áp lực với nhà trường để trẻ phải nghỉ học, một số cha mẹ đã xin cho con chuyển lớp khác. Việc nghỉ học đối với trẻ lại vô cùng khó khăn, ông bà già yếu không thể trông em cả ngày, trường chuyên biệt dành cho trẻ khuyết tật ở xa…  Nhân viên công tác xã hội trường học sẽ làm gì trong trường hợp này? Trước hết, với những kiến thức về hệ thống xã hội, tâm lý, pháp luật và chính sách cũng như những kỹ năng của mình, nhân viên công tác xã hội trường học không chỉ tính đến một khó khăn riêng lẻ của học sinh khuyết tật như những thành viên khác trong trường học là giáo viên chủ nhiệm, y tế học đường hay nhân viên tâm lý trường học, họ sẽ đánh giá một cách toàn diện các nkhos khăn và nhu cầu của học sinh khuyết tật, từ y tế, tâm lý, môi trường sống (gia đình, nhà trường, xã hội), đánh giá các khó khăn về sinh hoạt, học tập, vui chơi giải trí và khả năng hòa nhập của học sinh khuyết tật, họ cũng đánh giá các khó khăn và nhu cầu của gia đình, của giáo viên, xem xét thái độ của các bạn học sinh khác và phụ huynh học sinh khác trong lớp trong trường học. Họ cũng xem xét những nguồn lực về con người, vật chất, kỹ thuật, chuyên môn cũng như các dịch vụ xã hội khác nhau…để lên một kết hoạch tổng thể nhằm giải quyết tận gốc vấn đề của học sinh này. Họ kết nối đến những dịch vụ giáo dục đặc biệt tại trung tâm chuyên biệt để dạy trẻ thêm hàng tuần nhằm đáp ứng nhu cầu giáo dục rất riêng của trẻ giúp trẻ tiến bộ thêm trong học tập và nhờ chuyên gia tư vấn các cách thức quản lý và chăm sóc trẻ tại gia đình cho ông bà; kết nối đến các chuyên các chuyên gia tâm lý, bác sĩ thần kinh từ bệnh viện của huyện để giải quyết vấn đề hành vi tăng động, hung tính ở trẻ; huy động đến nguồn lực là cán bộ lao động xã hội tại địa phương nhằm làm giấy chứng nhận khuyết tật cho trẻ để đảm bảo thêm trợ cấp hàng tháng cũng như huy động nguồn lực là từ các nhà máy, công ty trên địa bàn để có thêm hỗ trợ kinh tế hàng tháng cho trẻ và gia đình, giúp trẻ có dụng cụ học tập tốt hơn. Họ cũng xây dựng các chương trình truyền thông, phổ biến quyền của trẻ em khuyết tật được đến trường cho giáo viên, phụ huynh học sinh để phụ huynh học sinh hiểu; nhân viên công tác xã hội trường học sẽ lập nên những nhóm bạn trong lớp giúp đỡ trẻ học tập, hướng dẫn những trẻ này những kỹ năng chơi cùng trẻ khuyết tật và kỹ năng hỗ trợ bạn. Nhân viên công tác xã hội trường học cũng đề xuất với nhà trường mời chuyên gia về trường để chia sẻ những kiến thức về trẻ khuyết tật và các dạy trẻ khuyết tật trong lớp hòa nhập cho giáo viên và nhân viên trong trường.  Như vậy, với những hoạt động như vậy, trẻ dần dần hòa nhập và có thể đến trường. |

**1.2.** **Nhân viên công tác xã hội trường họ****c**

Hiện nay, ở nhiều nước trên thế giới, người làm công tác xã hội trường học được gọi với những tên gọi khác nhau như cán sự xã hội trường học, cán bộ xã hội, nhân viên xã hội, nhân viên công tác xã hội trường học,… nhưng phổ biến là nhân viên công tác xã hội trường học.

Nhân viên công tác xã hội trường học là người được đào tạo cơ bản về công tác xã hội, có kiến thức, kỹ năng chuyên sâu về công tác xã hội trong lĩnh vực trường học, vận dụng kiến thức, kỹ năng đó vào quá trình tác nghiệp, can thiệp, hỗ trợ giải quyết các vấn đề gặp phải của các đối tượng trong trường học, liên quan đến trường học và môi trường giáo dục.

Như vậy, nhân viên công tác xã hội trường học phải là người được đào tạo cơ bản về công tác xã hội, có đầy đủ phẩm chất, năng lực, đảm bảo và đáp ứng các yêu cầu đặt ra về kiến thức, kỹ năng tác nghiệp trong môi trường ở trường học, trợ giúp cho các đối tượng (thân chủ là cá nhân hoặc nhóm) trong trường học và liên quan đến trường học (học sinh, sinh viên, giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục, đào tạo, phụ huynh, gia đình học sinh, các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể, hiệp hội trong cộng đồng, xã hội).

Hiện nay trong các trường học lực lượng tham gia hoạt động công tác xã hội thường bao gồm:

- Nhân viên công tác xã hội trường học chuyên nghiệp: là những người được đào tạo về công tác xã hội và công tác xã hội trường học, họ là lực lượng chính trong việc can thiệp, hỗ trợ học sinh giải quyết các vấn đề gặp phải trong học tập và cuộc sống.

- Nhân viên công tác xã hội trường học không chuyên: là giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn, cán bộ Đoàn, Tổng phụ trách... chưa được đào tạo cơ bản về công tác xã hội, họ thực hiện hoạt động công tác xã hội với chức năng là đầu mối vì vậy họ cần được đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ về công tác xã hội trường học để có thể thực hiện được vai trò của mình.

Thực tế ở các quốc gia cho thấy, mỗi trường học cần ít nhất 1 – 2 nhân viên công tác xã hội trường học chuyên nghiệp để có thể thực hiện tốt vai trò, chức năng của mình trong trường học. Trong điều kiện thực tế hiện nay ở Việt Nam khi việc mở rộng biên chế ở trường học gặp nhiều khó khăn nên trước mắt có thể sử dụng đội ngũ những người làm tư vấn tâm lý trường học (Theo thông tư 31 của Bộ Giáo dục và Đào tạo) cùng với cán bộ Đoàn, Tổng phụ trách đội, giáo viên chủ nhiệm,... đào tạo, bồi dưỡng họ về chuyên môn nghiệp vụ công tác xã hội trường học để họ có thể làm cán bộ đầu mối về công tác xã hội trường học tại các trường phổ thông. Vai trò, trách nhiệm cũng như những nhiệm vụ mà những thành viên này cần thực hiện được mô tả chi tiết trong chuyên đề 2.

**1.3. Phân biệt giữa công tác xã hội trường học và tham vấn trường học**

Căn cứ vào vai trò, nhiệm vụ của nhân viên công tác xã hội học đường mà các nước tiên tiến ở phương Tây và châu Á áp dụng cho thấy: cần thiết phải có nhân viên công tác xã hội học đường. Nó không hề mâu thuẫn về vai trò với nhân viên tư vấn, tham vấn học đường mà vai trò tư vấn, tham vấn học đường cũng là một vai trò của nhân viên công tác xã hội trường học.

Tham vấn trường học tập trung chủ yếu vào trường học, hướng tới đối tượng là cá nhân học sinh nhằm giải quyết vấn đề tâm lý, chưa đáp ứng được hết các nhu cầu và khó khăn từ phía học sinh và các đối tượng khác tham gia trong trường học. Trong khi đó, công tác xã hội trường học là những sự hỗ trợ mang tính hệ thống và toàn diện, hướng tới cải thiện và đáp ứng mọi nhu cầu của học sinh, giáo viên và cả hệ thống trường học.

Tham vấn trường học không bao hàm các hỗ trợ kinh tế - xã hội và pháp luật như công tác xã hội, ngoài ra, tham vấn trường học hướng tới giải quyết vấn đề đã xảy ra chứ chưa chú trọng đến phòng ngừa và nâng cao năng lực cho cá nhân và hệ thống.

Nhìn ở khía cạnh vĩ mô, tham vấn trường học là một bộ phận của công tác xã hội trường học, là một dịch vụ công tác xã hội trường học hữu ích và hiệu quả để giải quyết những vấn đề về tâm lý và sức khỏe tâm thần của học sinh. Kết hợp giữa công tác xã hội và tham vấn trường học là một điều cần thiết vì hai lĩnh vực này có sự bổ sung, tác động và hỗ trợ lẫn như trong quá trình trợ giúp học sinh tại trường học.

Phân biệt giữa công tác xã hội trường học và tham vấn trường học:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **CÔNG TÁC XÃ HỘI TRƯỜNG HỌC** | **THAM VẤN TRƯỜNG HỌC** |
| **Đội ngũ** | Do cán bộ được đào tạo công tác xã hội và/hoặc một số ngành gần đảm nhiệm | Do các cán bộ được đào tạo chuyên ngành tâm lý/hoặc ngành gần thực hiện |
| **Lĩnh vực** | Hỗ trợ giải quyết nhiều vấn đề khác nhau, mang tính tổng quát | Chủ yếu hỗ trợ các vấn đề cảm xúc và hành vi, đặc biệt là các rối nhiễu tâm lý |
| **Mục tiêu** | Giúp học sinh có điều kiện sống và học tập tốt nhất | Giúp học sinh có được nhận thức, cảm xúc và hành vi đúng đắn |
| **Đánh giá** | Đánh giá tổng thể nhiều khía cạnh cuộc sống có ảnh hưởng tới học sinh | Chủ yếu sử dụng các bài kiểm tra (test) tâm lý |
| **Hoạt động** | Bao gồm 3 cấp độ can thiệp, trong đó quan tâm nhiều đến phòng ngừa | Thiên nhiều về can thiệp cá nhân, chủ yếu là tham vấn và trị liệu |
| **Địa điểm** | Làm việc ở nhiều nơi khác nhau với nhiều bên khác nhau | Chủ yếu làm việc một – một trong phòng tham vấn |

# CHUYÊN ĐỀ 2. VAI TRÒ VÀ CHỨC NĂNG CỦA CÔNG TÁC XÃ HỘI TRƯỜNG HỌC

# 2.1. Vai trò chung của công tác xã hội trường học

Vai trò của công tác xã hội trường học tập trung tác động vào 4 đối tượng chính ở trường học là học sinh, phụ huynh, thầy cô giáo và các cán bộ quản lý giáo dục.

# *2.1.1. Với học sinh*

* Giúp giải quyết những căng thẳng và khủng hoảng về tâm lý
* Tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khoẻ tâm trí
* Giúp học sinh khai thác và phát huy những điểm mạnh và thành công trong học tập
* Có được năng lực cá nhân và xã hội, cụ thể là giúp các em giảm những hành vi như: không hoàn thành việc học tập; có hành vi bạo lực học đường, không kiểm soát được bản thân; không có quan hệ với bạn đồng lứa và người lớn; bị lạm dụng thể chất; chán học; bị trầm cảm; có những dấu hiệu, hành vi tự tử.

# *2.1.2. Với các bậc phụ huynh*

* Hỗ trợ phụ huynh tham gia một cách có hiệu quả vào giáo dục con cái
* Hiểu được đặc điểm tâm sinh lý, nhu cầu của trẻ
* Tiếp cận các nguồn lực của trường học và cộng đồng để có thể đồng hành cùng nhà trường trong việc giáo dục con cái.
* Hiểu các dịch vụ giáo dục đặc biệt nhất là với phụ huynh có con bị khuyết tật, tự kỷ,...
* Tăng cường kỹ năng, nghệ thuật làm cha mẹ.

# *2.1.3. Với các thầy cô giáo*

* Giúp cho quá trình làm việc với phụ huynh của học sinh tiến hành hiệu quả
* Có kỹ năng, nghệ thuật chủ nhiệm lớp
* Khai thác, phát huy những nguồn lực trong và ngoài nhà trường
* Tham gia vào tiến trình giáo dục, nhất là với các em cần sự giáo dục đặc biệt
* Hiểu hơn về gia đình, những yếu tố văn hoá và cộng đồng ảnh hưởng đến trẻ

# *2.1.4. Với các nhà quản lý giáo dục*

* Hỗ trợ các nhà quản lý giáo dục lập kế hoạch, tổ chức, chỉ đạo xây dựng hoạt động phòng ngừa, can thiệp, hỗ trợ phát triển.
* Đảm bảo thực hiện đúng một số luật

Trên đây là các vai trò chung của công tác xã hội trường học, nhấn mạnh đến đối tượng làm việc của nhân viên công tác xã hội trường học, dưới đây là một số vai trò cụ thể hay nói cách khác là nhiệm vụ mà người nhân viên công tác xã hội hoạt động trong trường học thực hiện

Như vậy, người Nhân viên công tác xã hội trường học có rất nhiều vai trò khác nhau trong việc trợ giúp các vấn đề trong trường học, tựu chung lại, có thể khái quát mấy điểm về vai trò của Nhân viên công tác xã hội trường học như sau:



Hiện tại, trong bối cảnh trường học ở nước ta, việc thực hiện các vai trò của nhân viên công tác xã hội là giáo viên, nhân viên, cán bộ được chỉ định trong trường học, với những người này, vai trò thực hiện hoạt động công tác xã hội trường học được thực hiện như sau:

- Trong vai trò dự báo, phát hiện, phòng ngừa vấn đề xảy ra trong trường học và vấn đề của học sinh:

***Về nhiệm vụ phát hiện vấn đề,*** giáo viên chủ nhiệm và các giáo viên bộ môn nếu thấy những bất thường hay những mối lo lắng về học sinh của mình cần báo lại cho cán bộ phụ trách công tác xã hội trường học. Cán bộ phụ trách sẽ thực hiện các hoạt động tiếp theo nhằm trợ giúp học sinh đó.

***Về nhiệm vụ phòng ngừa,*** cán bộ phụ trách công tác xã hội trường học cần xây dựng những chương trình truyền thông nhằm nâng cao hiểu biết và kiến thức, kỹ năng cho học sinh về các vấn đề như phòng ngừa bạo lực học đường, xâm hại trẻ em, sức khỏe sinh sản, quyền trẻ em…Xây dựng các hoạt động giáo dục kỹ năng sống phù hợp cho từng độ tuổi trong trường học. Phổ biến kiến thức về pháp luật cho giáo viên và cán bộ trong trường học.

- Trong vai trò là người hỗ trợ trực tiếp, cán bộ phụ trách công tác xã hội trường học cần tìm hiểu các vấn đề học sinh gặp phải, hỗ trợ về tâm lý cho các đối tượng này, tư vấn, uốn nắn và giáo dục, nâng cao nhận thức cho đối tượng này.

- Trong vai trò là người huy động nguồn lực, cán bộ phụ trách công tác xã hội trường học căn cứ trên những nhu cầu cần hỗ trợ của học sinh để tìm kiếm các nguồn lực là vật lực, nhân lực cũng như các dạng nguồn lực khác để đáp ứng nhu cầu của học sinh.

- Trong vai trò là người kết nối, cán bộ phụ trách công tác xã hội trường học sẽ căn cứ trên cơ sở đánh giá nhu cầu của học sinh tìm kiếm các dịch vụ trợ giúp cho học sinh như các dịch vụ tâm lý, dịch vụ pháp lý và các dịch vụ khác.

- Trong vai trò là người giáo dục, cán bộ phụ trách công tác xã hội trường học sẽ giúp học sinh có hiểu biết hơn về vấn đề mình đang gặp phải, thay đổi nhận thức và hành vi.

- Trong vai trò là người đóng góp, cải thiện chất lượng giáo dục, ví dụ như nhận thấy trong trường mình công tác, giáo viên có kỹ năng yếu trong việc giao tiếp với học sinh, hiểu về sự phát triển tâm lý học sinh chưa phù hợp, cán bộ phụ trách công tác xã hội trường học có thể đề xuất với nhà trường các khóa tập huấn dành cho giáo viên để cải thiện vấn đề này và qua đó nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

- Trong vai trò là người hỗ trợ chính sách, vận động chính sách, cán bộ phụ trách công tác xã hội trường học sẽ đề xuất những chính sách có lợi cho giáo viên, nhân viên trường học về các mặt như đảm bảo về đời sống kinh tế, quyền lợi đnags được hưởng của giáo viên, đề xuất những hỗ trợ về chính sách đảm bảo các quyền của học sinh. Bảo vệ học sinh, giúp học sinh có được những quyền lợi các em đáng được hưởng. Ví dụ như các em học sinh khuyết tật không được tham gia quá trình học tập là trái với chính sách và quy định của nhà nước, cán bộ phụ trách công tác xã hội trường học sẽ biện hộ, bảo vệ quyền lợi chính đáng này của các em, giúp các em có thể được chấp nhận trong môi trường học đường, không bị phân biệt đối xử.

**2.2. Vai trò của công tác xã hội trường học với những vấn đề nảy sinh trong trường học**

***2.2.1. Vai trò của công tác xã hội với vấn đề bạo lực học đường***

*2.2.1.1. Khái quát chung về bạo lực học đường*

* *Khái niệm*

Bạo lực học đường là *“hệ thống xâu chuỗi lời nói, hành vi mang tính miệt thị, đe dọa, khủng bố người khác (thường xảy ra giữa trò với trò, giữa thầy với trò hoặc ngược lại), để lại thương tích trên cơ thể, thậm chí dẫn đến tử vong, đặc biệt là gây tổn thương đến tư tưởng, tình cảm, tạo cú sốc về tâm sinh lý cho những đối tượng trực tiếp tham gia vào quá trình giáo dục trong nhà trường, cũng như đối với những ai quan tâm tới sự nghiệp giáo dục*”.

“Bạo lực” hay “gây hấn”, “xâm kích”, “bắt nạt” là việc làm tổn thương người khác về thể chất, tinh thần một cách cố ý (ngay cả khi không đạt được mục đích). Bạo lực học đường còn được gọi là gây hấn học đường, bắt nạt học đường là hiện tượng học sinh lớn hơn, mạnh hơn đe dọa học sinh yếu hơn và không có khả năng chống trả

Nói đến bạo lực học đường là nói đến bắt nạt trong học đường. Bắt nạt là dạng hành vi trong đó một cá nhân được chọn làm mục tiêu của sự gây hấn tái diễn nhiều lần bởi một hay nhiều người khác; mục tiêu (nạn nhân) nói chung có ít quyền lực hơn những người tham gia vào gây hấn - người bắt nạt. Bắt nạt mang đặc trưng của một hành vi cá nhân lặp đi lặp lại theo thời gian, nhằm mục đích thể hiện “sức mạnh” đối với người khác. Bắt nạt bao gồm ba loại cơ bản của lạm dụng: lạm dụng tâm lý, lạm dụng lời nói và lạm dụng thể chất.

Bắt nạt không giống như những vụ ẩu đả ngẫu nhiên của hai người hoặc hai nhóm do khích bác hoặc do bất đồng mà chúng bao gồm ba đặc điểm:

(1) Người thực hiện hành vi bắt nạt cố ý gây hại cho người bị bắt nạt

(2) Hành vi bắt nạt được lặp đi lặp lại, vì thế thường làm nạn nhân sợ sệt và lo lắng thường xuyên;

(3) Luôn có sự chênh lệch về quyền lực. Kẻ bắt nạt thường to lớn hơn, đông hơn về số lượng, khéo léo nhanh nhẹn hơn, học giỏi hoặc học kém hơn, đến từ gia đình giàu có thế lực hơn hoặc cũng có thể đến từ gia đình nghèo hơn...

* *Hình thức bạo lực học đường*

*Phân loại theo nội dung của bạo lực:*

* Bạo lực thể xác:

Đây là hình thức bao gồm các hành vi làm tổn thương tới thân thể người khác như: đánh, đấm, đá, đâm, chém., tát… xảy ra trong phạm vi trường học, liên quan tới môi trường giáo dục, các vấn đề giáo dục. Nếu như nhẹ thì nạn nhân bị tổn thương thể chất nhưng có khi dẫn tới tử vong. Theo thống kê của Bộ GD&ĐT, từ đầu năm học 2009 - 2010 đến nay, cả nước đã xảy ra 1.600 vụ học sinh đánh nhau, làm chết 7 học sinh, nhiều em phải mang thương tật suốt đời. Các nhà trường đã xử lý kỷ luật khiển trách 881 học sinh, cảnh cáo 1.558 học sinh, buộc thôi học có thời hạn (3 ngày, 1 tuần, 1 năm học) 735 học sinh. Tính theo tỷ lệ, cứ 5.260 học sinh thì xảy ra một vụ đánh nhau; 9 trường thì có 1 vụ học sinh đánh nhau.

* Bạo lực tinh thần:

Việc sử dụng lời nói, hành vi dọa nạt, trấn át, đe dọa, ép buộc, chế nhạo, mỉa mai, chỉ trích… người khác trong môi trường học đường, liên quan tới các vấn đề xảy ra trong trường học chính là bạo lực tinh thần. Bạo lực tinh thần khó nhận biết hơn bạo lực thể xác vì nó không biểu hiện bằng những vết thương có thể trực tiếp nhìn thấy. Mặt khác, nhiều người trong chúng ta vẫn chưa hiểu rõ hành vi nào là biểu hiện của bạo lực tinh thần. Những lời chỉ trích của thầy cô, những lời phê bình gay gắt, hay những xúc phạm lẫn nhau… lặp đi lặp lại nhiều lần dễ gây nên những vết thương về tinh thần khiến nạn nhân có thái độ tiêu cực trong cuộc sống. Cách giáo dục bằng bạo lực làm cho trẻ rụt rè, tự ti hơn, khép mình hơn, mặc cảm hơn.

* Bạo lực tình dục:

Bao gồm: bất cứ hành vi đụng chạm mang tính chất khiêu khích về giới mà không được sự đồng ý của người đó, dùng sức mạnh cơ bắp ép buộc tình dục hoặc mua bán, đổi chác tình dục lấy các lợi ích vật chất khác giữa các đối tượng trong trường học. Một số ý kiến cho rằng bạo lực tình dục không là hình thức bạo lực trong nhà trường. Quan điểm này rất đáng lo ngại, bởi lẽ, theo khái niệm về bạo lực của CDC (Center for disease control - Trung tâm kiểm soát và phòng ngừa bệnh tật Hoa Kỳ) đã chỉ ra bạo lực học đường bao gồm cả hành vi bạo lực tình dục, nó để lại hậu quả không những nghiêm trọng về thể xác mà còn ảnh hưởng rất lớn tới sức khỏe tâm thần của nạn nhân. Trên thực tế đây còn là hành vi vi phạm chuẩn mực đạo đức xã hội vô cùng nguy hại. Môi trường học đường là môi trường của những quy chuẩn, dạy dỗ và hình thành nhân cách cho con người. Nếu như những hành vi sai trái ấy diễn ra ở đây hệ lụy sẽ là xã hội không đặt niềm tin vào nền giáo dục mô phạm nữa.

* Bạo lực trên phương diện xã hội:

Bất kì hành vi cố tình làm ảnh hưởng tới danh dự, nhân phẩm, vị thế xã hội… của người khác, ngăn cản các hoạt động cộng đồng của họ như làm bẽ mặt, nói xấu, nói sai sự thật, ngăn cản học gặp bạn bè, người thân… xảy ra trong nhà trường, với các đối tượng trong học đường được coi là bạo lực về mặt xã hội.

Phân loại đối tượng bạo lực học đường có thể xảy ra giữa mọi thành viên trong trường học

* Bạo lực giữa học sinh với học sinh:

Bao gồm các hành vi gây tổn thương về thể chất, tinh thần giữa các đối tượng học sinh với nhau. Đây là hình thức rất phổ biến trong môi trường học đường. Hiện nay khi nhắc tới bạo lực học đường, mọi người không chỉ dừng cái nhìn về phía con trai, mà sự thiếu thiện cảm về con gái cũng đang dần hình thành trên các diễn đàn. Gần đây trên các phương tiện thông tin đại chúng liên tục xuất hiện các vụ bạo lực học đường do nữ sinh gây nên làm chấn động dư luận xã hội, gióng lên hồi chuông cảnh tỉnh về một thế hệ học trò của thời đại mới.

Bạo lực giữa học sinh bao gồm các học sinh trong trường bạo lực với nhau hoặc với các học sinh ngoài trường, giữa học sinh cùng khối lớp hoặc khác khối lớp. Khi xảy ra mâu thuẫn, các cá nhân dùng các hình thức bạo lực để “xử” nhau và đôi khi sử dụng hình thức “đánh tập thể” hay còn gọi “đánh cộng đồng”. Bạo lực giữa đối tượng học sinh với nhau là hình thức phổ biến nhất, và xuất hiện tại tất cả các trường THPT.

* Bạo lực giữa thầy cô, cán bộ quản lý với học sinh:

Đây không phải là hiện tượng hiếm từ xưa tới nay. Thông thường các thầy cô vẫn thường mắng học sinh trước tập thể lớp khi các em có lỗi. Và cứ thế lặp lại sẽ vô tình làm tổn thương học sinh, khiến trẻ sợ học, ghét thầy cô, học kém… Đánh học sinh cũng là biện pháp thói quen của một số thầy cô làm ảnh hưởng trực tiếp tới trò và là hành vi bạo lực học đường đáng lên án. Hiện nay còn xuất hiện các hành vi vi phạm đạo đức người giáo viên như ép học sinh quan hệ tình dục để đổi trác điểm, dọa nạt học sinh nếu không cho đụng chạm vào cơ thể thì đuổi học, cho điểm kém... Hiện tượng này không nhiều nhưng vẫn còn len lỏi ở đâu đó quanh ta làm ảnh hưởng nghiêm trọng tới đạo đức, nhân phẩm của người giáo viên.

Tuy nhiên, có nhiều giáo viên và phụ huynh cho rằng, bạo lực giữa thầy cô với học sinh phần lớn biểu hiện dưới hình thức bạo lực tinh thần, khó nhận biết nên mọi người lầm tưởng không thường xuyên diễn ra, nhưng thực tế lại khá phổ biến. Để khẳng định cho kết luận này cần có những chỉ số cụ thể về bạo lực học đường, bạo lực tinh thần… và cần có sự theo dõi, giám sát, quản lý học sinh, cán bộ từ phía nhà trường, từ phía ngành giáo dục một cách toàn diện.

* Bạo lực giữa học sinh với thầy cô, cán bộ quản lý:

Bao gồm những hành vi dùng bạo lực trả thù thầy cô như ném đá, gạch, mắm tôm vào thầy cô, thuê người đánh, nói xấu, bài trừ thầy cô… Hiện tượng này thường ít xảy hơn. Trong thời đại mới, mối quan hệ thầy trò đã có nhiều thay đổi đôi khi kèm theo cả những tiêu cực, mâu thuẫn khó giải quyết. Nếu như trước đây, người thầy luôn giữ một vị trí tôn nghiêm nhất trong lòng mỗi người trò thì giờ đây mối quan hệ ấy có phần lỏng lẻo hơn. Phần lớn trong các vụ việc này lỗi ở cả hai bên thầy – trò, do mâu thuẫn không tìm ra cách giải quyết tế nhị.

* Bạo lực giữa giáo viên, cán bộ với nhau: Thường là các mâu thuẫn, cách ứng xử trong cuộc sống tạo cho nhau những áp lực, chi phối hành động, áp đặt, khống chế… khiến người kia ngột ngạt và bế tắc trong môi trường làm việc.
* Bạo lực giữa phụ huynh, người nhà học sinh với thầy cô, cán bộ: như đánh, thuê đánh, dùng sức mạnh quyền lực ép buộc, khống chế, xúc phạm… Hiện nay có rất nhiều phụ huynh có quyền lực sẵn sàng ép buộc người giáo viên, cán bộ giáo dục phải thôi việc, bị kỷ luật,… khi giáo viên xử phạt con họ vi phạm các nội quy trường học. Tuy nhiên điều này làm ảnh hưởng tới giá trị truyền thống “tôn sư trọng đạo” của người phương Đông “nhất tự vi sư, bán tự vi sư”.
* Bạo lực giữa phụ huynh, người nhà học sinh với học sinh như:

Đánh, thuê đánh, làm nhục, xúc phạm, ép buộc,… có thể vì lí do mâu thuẫn giữa học sinh với nhau nên phụ huynh can thiệp. Việc cha mẹ, người nhà can thiệp với các mối quan hệ, các vấn đề của con em mình là điều hết sức cần thiết để có thể ngăn chặn những nguy cơ xấu có thể xảy ra. Tuy nhiên điều đó không đồng nghĩa với việc chính bản thân họ lại vô tình gây ra nạn bạo lực học đường. Mọi mâu thuẫn nên được xem xét và giải quyết trong bầu không khí hợp tác, chia sẻ.

*2.2.1.2. Vai trò của công tác xã hội trường học trong việc phòng chống và trợ giúp giải quyết vấn đề bạo lực học đường*

* + Phòng chống bạo lực học đường

- Phát triển các chương trình phòng chống bạo lực học đường tại trường học.

- Cung cấp các chương trình giáo dục kỹ năng sống cho học sinh: cách ứng xử, xử lý mâu thuẫn, kiềm chế,...

- Tổ chức các hoạt động ngoài giờ, các chương trình truyền thông, các câu lạc bộ, tạo sân chơi lành mạnh... cho học sinh.

- Cung cấp các chương trình giáo dục kỹ năng làm cha mẹ ho phụ huynh học sinh, giúp họ hiểu được những nhu cầu phát triển và giáo dục của trẻ, cách giải quyết mâu thuẫn trong gia đình, nuôi dạy con cái,…

- Cung cấp các kiến thức về luật pháp trong việc gây ra hành vi bạo lực đối với người khác cho học sinh và các thành viên của nhà trường.

- Giúp cho các thầy cô hiểu hơn về tâm lý của học sinh, cách xử lý các mâu thuẫn, kiềm chế cảm xúc,…

- Tăng cường mối quan hệ thầy trò và mối quan hệ giữa học sinh và học sinh.

- Trợ giúp giải quyết bạo lực học đường.

- Phối kết hợp giữa gia đình, nhà trường và xã hội khi vấn đề bạo lực học đường xảy ra.

- Thiết lập các nhóm hỗ trợ cả học sinh gây ra bạo lực và bị bạo lực.

- Tư vấn tâm lý cho các đối tượng học sinh gây ra bạo lực và bị bạo lực.

# *2.2.2 Vai trò của công tác xã hội với vấn đề sức khỏe tâm thần của học sinh*

*2.2.2.1. Những vấn đề chung về sức khỏe tâm thần và sức khỏe tâm thần trẻ em*

Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) họp tại Alma Ata (1976) đã đưa ra khái niệm về sức khoẻ đầy đủ là: “Sức khoẻ là một trạng thái hoàn toàn thoải mái về thể chất, tâm thần và xã hội, không chỉ bó hẹp với nghĩa không bệnh, không tật’’.

Như vậy: Sức khoẻ toàn diện có 3 thành phần: sức khoẻ thể chất, sức khoẻ tâm thần và sức khoẻ xã hội. Ba thành phần này quan hệ mật thiết và tác động qua lại lẫn nhau. Khi cơ thể bị tổn thương (thể chất hoặc bệnh thực thể) sẽ gây tâm trạng lo âu, bi quan, buồn phiền, cáu gắt, uể oải, giảm hứng thú…). Ngược lại, khi trạng thái tâm lý không thoải mái, lo âu, sợ hãi, buồn chán… hoặc bị rối loạn tâm thần nặng… đều có những rối loạn cơ thể (rối loạn thực vật -nội tạng, giảm miễn dịch…). Như vậy, mọi mặt sức khoẻ của mỗi cá nhân đều có mặt của sức khoẻ tâm thần như là một thành phần chính yếu.

Sức khoẻ tâm thần là một trạng thái không chỉ không có rối loạn hay dị tật tâm thần mà còn là một trạng thái tâm thần hoàn toàn thoải mái, cân bằng về cảm xúc, hoà hợp giữa các mối quan hệ gia đình, xã hội. Có nhận thức, cảm xúc tình cảm và hành vi ứng xử phù hợp với nhu cầu xã hội.

Sức khoẻ tâm thần bao gồm hai khía cạnh:

• Sức khoẻ tâm thần tốt: Đạt các chuẩn phát triển tâm lý bình thường của lứa tuổi mình, và không có biểu hiện tổn thương về nhận thức-cảm xúc và hành vi.

• Sức khoẻ tâm thần tốt: Đạt các chuẩn phát triển tâm lý bình thường của lứa tuổi mình, và không có biểu hiện tổn thương về nhận thức-cảm xúc và hành vi.

Sức khoẻ tâm thần bị tổn thương cơ 2 nhóm rối loạn:

- Các rối loạn tâm thần nặng, mạn tính hoặc các khuyết tật về tâm thần như tâm thần phân liệt, loạn thần cảm xúc, tự kỷ, dị tật tâm thần… (10-20%).

- Các trạng thái không thoải mái về tâm lý do căng thẳng bởi các chấn thương tâm lý từ phía môi trường sống gia đình, trường học, văn hoá xã hội, cộng đồng... như rối loạn ngủ, biếng ăn, mệt mỏi, giảm chú ý, quá hiếu động, giảm sút học tập, thiếu hứng thú, xa lánh, ngại giao tiếp, lo sợ hốt hoảng, buồn chán, tự tử... đến rối loạn hành vi chống đối, làm trái pháp luật, nghiện hút (chiếm tỷ lệ lớn từ 80-90% trong sức khoẻ tâm thần).

Sức khoẻ tâm thần trẻ em:

Sức khoẻ tinh thần trẻ em là sự thỏa mãn, hài lòng của trẻ về nhu cầu tình cảm, tinh thần, quan hệ giao tiếp với những người xung quanh. Sức khoẻ tinh thần trẻ em thể hiện bằng sự sảng khoái, cảm giác dễ chịu, cảm xúc vui tươi, thanh thản, ý nghĩ lạc quan, yêu đời, quan niệm sống tích cực, dũng cảm, chủ động, khả năng chống lại những suy nghĩ tiêu cực và lối sống không lành mạnh của các em. Sức khoẻ tinh thần trẻ em là nguồn lực giúp các em sống khoẻ mạnh, là nền tảng cho chất lượng cuộc sống, giúp cá nhân ứng phó một cách tự tin và hiệu quả trước những thử thách, nguy cơ trong cuộc sống. Sức khoẻ tinh thần giúp các em có một sinh khí để hoạt động tích cực, thành đạt trong cuộc sống và trong các mối quan hệ xã hội trên nền tảng công bằng và tôn trọng lẫn nhau.

*2.2.2.2. Vai trò của công tác xã hội trường học với vấn đề sức khoẻ tâm thần của học sinh*

Nhân viên công tác xã hội làm trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe tâm thần có vai trò: hỗ trợ, can thiệp những cá nhân có vấn đề về sức khỏe tâm thần, khủng hoảng tâm thần thông qua các dịch vụ trị liệu và quản lý trường hợp; thực hiện điều phối thúc đẩy trị liệu nhóm người có vấn đề tâm thần, cho gia đình có người có vấn đề tâm thần; truyền thông tại cộng đồng... để góp phần tăng năng lực trợ giúp cho các cá nhân, gia đình và nhóm người gặp vấn đề tâm thần. Bên cạnh đó, nhân viên công tác xã hội tìm kiếm về các nguồn lực như nơi ở, y tế hoặc các chương trình dịch vụ cụ thể hiện có tại cộng đồng để trợ giúp cho người có vấn đề tâm thần... Tuy nhiên, để trợ giúp cho học sinh có các vấn đề sức khỏe tâm thần, công tác xã hội trường học có nhiệm vụ cơ bản như sau:

***Đối với học sinh có vấn đề sức khỏe tâm thần:***

- Nhân viên công tác xã hội nhận biết, phát hiện sớm, sàng lọc những học sinh có dấu hiệu nguy cơ bị rối loạn tâm thần trong nhà trường, cộng đồng mình phụ trách.

- Nhân viên công tác xã hội hỗ trợ can thiệp khẩn cấp khi có những học sinh có dấu hiệu tự tử hoặc nguy cơ hủy hoại người xung quanh (như bạo lực), nghiện game và các chất kích thích... tại trường học.

- Nhân viên công tác xã hội tìm hiểu, phân tích, đánh giá những học sinh có dấu hiệu trầm cảm, bỏ học, sa sút học tập, mâu thuẫn bạn bè... tham vấn, tư vấn cho các trường hợp trên tại trường học.

- Nhân viên công tác xã hội hỗ trợ, kết nối cho những học sinh được xác định có nguy cơ rối loạn tâm thần đến cơ sở y tế gần nhất để khám xác định bệnh; hoặc tham gia đánh giá vấn đề của học sinh có vấn đề tâm thần cùng với các chuyên gia bác sĩ tâm thần.

- Nhân viên công tác xã hội cùng học sinh có vấn đề rối nhiễu đánh giá các nguyên nhân, mối quan hệ hệ thống – xã hội, đưa ra kế hoạch hỗ trợ, can thiệp.

- Nhân viên xã hội kết nối, chuyển gửi các học sinh có vấn đề tâm thần đến các dịch vụ trung tâm hỗ trợ.

- Cùng thân chủ giải quyết các khó khăn trong quá trình thực hiện trị liệu, giảm nhẹ các sợ hãi lo lắng của các em,…

***Đối với gia đình học sinh:***

- Nhân viên công tác xã hội trường học cùng với cha mẹ học sinh tìm hiểu, phân tích các biểu hiện rối loạn tâm thần của con em học, đánh giá các yếu tố nguy cơ, nguyên nhân dẫn đến vấn đề; phân tích các nguồn lực hỗ trợ từ cá nhân và gia đình, từ đó nhân viên xã hội cùng nhóm các bộ chuyên môn, và gia đình xây dựng kế hoạch can thiệp, hỗ trợ học sinh có vấn đề tâm thần.

- Nhân viên xã hội hỗ trợ gia đình đưa học sinh đến các mạng lưới dịch vụ xã hội, y tế phù hợp để giải quyết các vấn đề tâm lý, tâm thần cho các em.

- Nhân viên xã hội cung cấp các kiến thức, thông tin, tham vấn, tư vấn cho gia đình trẻ có vấn đề tâm thần như: địa chỉ, cách thức liên hệ và cách thức để có được sự trợ giúp; hướng dẫn gia đình tuân thủ quy trình điều trị, phương pháp chăm sóc trẻ có vấn đề tâm thần về mặt y tế (như cho uống thuốc, giám sát việc uống thuốc), cách thức đối phó với nguy cơ lạm dụng chất gây nghiện và hỗ trợ phục hồi chức năng tại cộng đồng.

- Thường xuyên trao đổi, tư vấn với học sinh và gia đình để phát hiện các vấn đề nảy sinh, và xác định các giải pháp xử lý vấn đề. Biện hộ cho học sinh có vấn đề tâm thần và gia đình có trẻ có vấn đề tâm thần có quyền được sống trong môi trường an toàn và có các dịch vụ an sinh thiết yếu để đảm bảo sức khỏe thể chất và tinh thần của mọi người.

*-* Đối với một số gia đình nghèo, có hoàn cảnh khó khăn, nhân viên xã hội giới thiệu các thành viên gia đình đến các trung tâm việc làm, chương trình vay vốn ưu đãi để phát triển kinh tế gia đình,…

***Đối với nhà trường:***

*-* Nhân viên xã hội xây dựng và triển khai các hoạt động truyền thông tại nhà trường góp phần nâng cao nhận thức của các thầy cô giáo, ban giám hiệu về vấn đề sức khỏe tâm thần học sinh.

- Tập huấn cho các giáo viên chủ nhiệm lớp, cán bộ đoàn,… về các vấn đề sức khỏe tâm thần, kỹ năng ứng phó giải quyết vấn đề, kỹ năng ứng xử với học sinh để giảm thiểu các vấn đề sức khỏe tâm thần.

- Tổ chức, triển khai các hoạt động ngoại khóa, câu lạc bộ cho học sinh tại trường học giúp các em có đời sống tâm thần thoải mái.

***Đối với cộng đồng, xã hội:***

- Nhân viên xã hội đánh giá nguồn lực cộng đồng, các dịch vụ xã hội hiện có tại cộng đồng để hỗ trợ chăm sóc sức khỏe tâm thần.

- Triển khai hoạt động tuyên truyền, vận động nâng cao nhận thức của cộng đồng về chăm sóc sức khỏe tâm thần, các rối loạn tâm thần thường gặp, và cách xử trí; nâng cao năng lực phòng ngừa và chăm sóc cho trẻ có vấn đề tâm thần.

- Huy động các nguồn lực cộng đồng, kết nối các mạng lưới cộng đồng nhằm triển khai các hoạt động chăm sóc sức khỏe cộng đồng, phát hiện và can thiệp sớm, và hỗ trợ phục hồi chức năng trẻ có vấn đề tâm thần.

***2.2.3. Vai trò của bạo lực học đường trường học đối với vấn đề nghiện game ở học sinh***

*2.2.3.1. Khái niệm về nghiện game*

Nghiện trò chơi trực tuyến: Những người nào sử dụng internet mà dành hơn 6h đồng hồ hoặc hơn thế mỗi ngày cho việc chơi trò chơi trực tuyến và có biểu hiện ít nhất 1 triệu chứng gồm khó ngủ hoặc mất tập trung, khát khao được lên mạng, các giận và đau đớn về thể xác hoặc tinh thần thì được gọi là nghiện trò chơi trực tuyến.

Tuy nhiên, theo các nhà lâm sàng tâm thần học, trong sổ tay chẩn đoán và thống kê về những rối loạn tâm thần ấn bản lần thứ 4 (gọi tắt là DSM\_IV) của Hiệp hội tâm thần Mỹ (1995) có mục “nghiện đánh bạc quá mức”. Mục này có thể được xem tương tự đối với nhu cầu tự nhiên quá mức của việc nghiện trò chơi trực tuyến. Nghiện trò chơi trực tuyến có thể được định nghĩa là 1 rối loạn kiểm soát xung lực, không liên quan đến chất gây nghiện.

Theo giáo sư Jerald Block của Đại học Khoa học và Y tế Oregon, 4 triệu chứng nghiện trò chơi trực tuyến chính là: quên thời gian, sao nhãng ăn uống và ngủ, tức giận, căng thẳng, bồn chồn khi không thể lên mạng, cần trang bị máy tính mạnh hơn, nhiều phần mềm mới, biểu hiện trầm cảm, hay cáu giận và tách biệt với xã hội.

*Đặc điểm của người nghiện trò chơi trực tuyến:*

- Ngồi chơi trò chơi trực tuyến hơn 5h/ngày hoặc không có cảm giác về thời gian, không gian khi đang chơi;

- Luôn bị thôi thúc bởi các hình ảnh trong trò chơi, cố gắng giảm thiểu thời gian ngồi trước máy nhưng đều thất bại;

- Giấu gia đình hoặc người thân để thường xuyên chơi;

- Quên mất các sự kiện quan trọng hoặc không thực hiện đầy đủ các công việc liên quan đến máy tính do dành quá nhiều thời gian vào việc chơi trò chơi trực tuyến;

- Chăm chút cho nhân vật chơi hơn là quan tâm đến bản thân và những người xung quanh, hầu như không có bạn bè và không muốn tham gia các hoạt động xã hội;

- Khi tách khỏi trò chơi, phản ứng của họ trở nên chậm chạp, kém linh hoạt;

- Tiếp tục chơi trò chơi trực tuyến bắt chấp những trục trặc, khó khăn trong công việc, trong các mối quan hệ gia đình;

- Có những dấu hiệu của chứng suy ngược và có xu hướng hành xử theo các mối quan hệ trong trò chơi;

- Một số người còn thường xuyên không ngủ liên tục nhiều tiếng đồng hồ và nghĩ đến những cuộc ganh đua trong trò chơi.

*Đối với học sinh, nghiện trò chơi trực tuyến thường kèm theo các biểu hiện sau:*

- Nhiều em có biểu hiện của các rối loạn hành vi như: ăn cắp, nói dối, bỏ nhà đi, trốn học, ngủ gật trong giờ học…

- Hầu hết những trẻ chịu ảnh hưởng nhiều từ trò chơi trực tuyến đều ít có kỉ luật trong cuộc sống, hay lúng túng, hung hăng.

- Tai hại hơn khi có những em gái bị rối loạn giới tính.

- Hậu quả của việc sắm vai nhân vật quá lâu nên thích có những biểu hiện anh hung.

*Nguyên nhân nghiện trò chơi trực tuyến:*

***(1) Sự hỗ trợ giao lưu***

Hỗ trợ giao lưu được hình thành trên cơ sở một nhóm người tham gia vào việc giao tiếp qua máy tính điều đặn với một người khác, với một lượng thời gian kéo dài. Với những lần ghé thăm thường lệ một nhóm cụ thể nào đó (Khu vực chát hay nhóm tin tức), do mức độ quen thuộc cao trong số các thành viên được hình thành, tạo nên một ý nghĩa cộng đồng. Giống như tất cả các cộng đồng, văn hoá không gian máy tính (Cyberspace) có những giá trị, tiêu chuẩn, ngôn ngữ, ký hiệu của riêng nó. Đó là những điều do con người tạo ra và các cá nhân tham gia thích nghi với quy chuẩn hiện tại của nhóm đó.

***(2) Tạo ra một tính cách***

Mỗi người sử dụng mạng đều có khả năng loại bỏ những áp đặt của cuộc sống để thử nghiệm những cảm nhận thay đổi của bản thân. Những khám phá trong nghiên cứu cho thấy giao tiếp thông qua không gian ảo, và các trò chơi tạo ra một "sân khấu" ảo để một người có thể "diễn" một vai mới thông qua việc tạo ra những cái tên được hư cấu làm thay đổi đặc điểm thể chất của mình như giới tính, tuổi tác hay chủng tộc để nuôi dưỡng một tính cách hay hình ảnh giả  dối của bản thân.

***(3) Được công nhận có sức mạnh***

Tính cách thể hiện trên trò chơi giúp cá nhân có được một sự công nhận ảo và đạt được sức mạnh nổi bật nhất qua việc tạo ra những nhân vật hoàn hảo. Quyền lực của các nhân vật tạo ra ảo tưởng về vai trò lãnh đạo của người chơi với những người cấp dưới. Người nghiện trò chơi trực tuyến có ước muốn trở nên có uy lực hơn trong các nhân vật của mình dẫn đến việc được công nhận như một nhà lãnh đạo đầy quyền năng. Bằng cách tái tạo lại bản thân, một người chơi trò chơi trực tuyến có thể phát triển những thuộc tính cá nhân đã không được biểu lộ trong cuộc sống hàng ngày, một người yếu ớt có thể trở nên mạnh mẽ, một người hay sợ hãi, nhút nhát có thể trở nên can đảm.

Như vậy, nghiện trò chơi trực tuyến ở trẻ em xuất phát từ một số nguyên nhân. Trước hết, các trò chơi trực tuyến đòi hỏi nhiều người chơi, khi tham gia vào 1 nhóm để chơi các em thường có sự trao đổi, giao lưu, gặp gỡ (online),… các em đều cùng lứa tuổi, đặc điểm tâm sinh lý khá tương đồng, điều này khiến cho các em thấy vui và cảm nhận được sự chia sẻ từ những người bạn chơi.

Những xung đột tâm lý trong tuổi dậy thì ở thanh thiếu niên dẫn đến việc nghiện nghiện trò chơi trực tuyến. Do sự phát triển của tâm sinh lý, các em mong muốn trở thành người lớn, muốn người lớn phải tôn trọng mình. Tuy nhiên, nhiều bố mẹ không quan tâm đến điều đó, cách giáo dục bằng roi vọt hoặc tình yêu thương thể hiện bằng sự áp đặt, khiến các em cảm thấy cô đơn, bất mãn và tham gia trò chơi như một cách thể hiện bản thân, chia sẻ cảm xúc, dẫn đến những hành vi tai hại và ảnh hưởng trầm trọng đến thể chất, tinh thần.

Các em ở lứa tuổi học sinh có cùng 1 đặc điểm là hiếu động, tò mò, ưa khám phá và do hệ thần kinh của người chơi khá yếu đuối, tính tự chủ và khả năng độc lập kém. Những người có hệ thần kinh dễ bị xúc động thường bị lôi kéo, bị phụ thuộc bởi sức hấp dẫn của những trò chơi này. Hơn nữa, hiểu biết, kiến thức của các em về tác hại các trò chơi trực tuyến này chưa đầy đủ, do vậy càng dễ sa đà vào nó.

Ở trẻ có cơ chế tập nhiễm. Thời gian tập nhiễm càng lâu, việc chữa trị càng khó. Nếu từ bé, trẻ nhìn thấy bố hay mẹ tham gia các trò chơi trúng thưởng, sẽ tác động vào ý nghĩ của trẻ rằng, vui chơi có thưởng là một sở thích, một việc làm tốt. Khi đã nhiễm phải ý nghĩ này, nếu lớn lên các em lại nghiện trò chơi trực tuyến, nghiện các trò chơi thắng thua thì việc chữa trị vô cùng khó.

Có thể nói chơi trò chơi trực tuyến cũng như bất kỳ trò chơi nào cũng vậy đều phải có bạn bè đi cùng: thứ nhất họ hướng dẫn mình, thứ hai là có người chơi cùng, thứ ba là có đối thủ cạnh tranh,... và còn rất nhiều nguyên nhân khác nữa. Trong những cuộc nói chuyện thường ngày giữa bạn bè cùng trang lứa, thường có những câu khích lệ sao cho các bạn phải thán phục hay có tính chất lôi kéo vào trò chơi luôn được thể hiện. Ngoài ra những hàng game, hàng Net mọc ra khắp nơi đặc biệt là gần khu vực có nhiều học sinh (những đối tượng chơi game nhiều nhất) cũng là nguyên nhân gây ra việc chơi trò chơi trực tuyến.

Trường hợp nghiên game

*Nam là một học sinh lớp 7 nghiện game, em được bố mẹ cho dùng điện thoại và máy tính, em tìmh iểu và thích trò chơi Liên quân. Mới đầu em chỉ chơi vào những thời gian em không làm gì, chỉ khoảng 30 phút một ngày, sau đó, em thường chơi trò chơi này vào tất cả các thời gian rỗi, ngay cả khi chưa học xong, chơi cả trong giờ học, giờ ăn, có khi thức suốt đem để chơi. Chính vì vậy, đến lớp học, em thường xuyên ngủ trong khi cô giảng bài, không ghi chép bài, không làm đầy đủ bài tập, trốn học để đi chơi game, ăn cắp tiền của bạn để đi chơi game, hay có hành vi bạo lực với các bạn khác…*

*Để giải quết vấn đề này, không chỉ là nhiệm vụ của nhà trường, nhà trường sẽ không có chỗ để cai nghiện game, không thành viên nào trong nhà trường có thể có cách để cai nghiện cho em, cần có các dịch vụ cai nghiện game ở cộng đồng. Tuy nhiên, sau khi cai nghiện game trở về trường học, cần có sự phối hợp và giám sát từ cha mẹ, như vậy cần đến môi trường gia đình, cần có sự hợp tác của chủ quán game, để theo dõi đứa trẻ, cần có sự hỗ trợ của thầy cô hay bạn bè để em có thể hòa nhập lại, để tiếp tục học tập, để lấp lỗ hổng về kiến thức…và tất cả những hoạt động hỗ trợ đó từ nhà trường đến gia đình và cộng đồng cần phải được thực hiện một cách thống nhất, có kế hoạch, có thời gian, có nhiệm vụ cho từng thành viên, có sự theo dõi và giám sát chung…và đó chính là nhiệm vụ của nhân viên công tác xã hội trường học, làm cầu nối, làm trung gian, làm người kết nối, huy động người làm và điều phối các hoạt động trợ giúp.*

*2.2.3.2. Vai trò của nhân viên công tác xã hội trường học trong việc hỗ trợ giải quyết vấn đề nghiện game ở học sinh*

Nhân viên công tác xã hội có vai trò rất quan trọng trong việc hạn chế tác hại của trò chơi trực tuyến trong đời sống học đường như sau:

- Trước hết nhân viên công tác xã hội cần phải tư vấn cho gia đình, cho các bậc phụ huynh trong việc quản lý chặt chẽ con em mình, nhất là cha mẹ cần phải hiểu được những ảnh hưởng tiêu cực của game online. Từ việc nhận thức được những ảnh hưởng tiêu cực đó mà bố mẹ sẽ không lơ là hay sao nhãng con cái mình. Từ đó có sự quản lý con cái một cách nghiêm túc và đúng đắn để định hướng cho trẻ tập trung vào việc học tránh những trò chơi mang tính bạo lực. Nhân viên công tác xã hội cần phải tư vấn cho các gia đình về vai trò của gia đình trong việc giúp con em mình tránh xa trò chơi trực tuyến và những ảnh hưởng tiêu cực của nó để từ đó hình thành định hướng giá trị nhân cách đúng đắn của các em.

- Nhân viên công tác xã hội cần phải hoạt động tích cực trong môi trường học đường, cần phải tư vấn cho nhà trường những hoạt động mang ý nghĩa tác động tới nhận thức và hiểu biết của học sinh về tác hại của game online để từ đó cung cấp kiến thức cho các em nhất là những hậu quả của các trò chơi bạo lực để lại.

- Nhân viên công tác xã hội sẽ tư vấn cho nhà trường về việc tạo sân chơi cho học sinh, hay những cơ quan tổ chức khác tạo ra nhiều nơi vui chơi giải trí mang ý nghĩa cho học sinh để từ đó giúp trẻ không chú tâm vào các trò tiêu khiển và tránh khỏi các trò chơi bạo lực bạo lực. Chính sân chơi cho học sinh lại là môi trường an toàn để mỗi học sinh phát triển và hoàn thiện nhân cách của mình.

- Nhân viên công tác xã hội cần phải nghiên cứu và có những đề xuất với các gia đình, nhà trường nơi trẻ đang học trong việc hạn chế giờ chơi là việc hết sức cần thiết. Thời gian dành cho việc chơi trò chơi trực tuyến cần phải được điều tiết bằng nhân cách.

- Nhân viên công tác xã hội cũng cần phải tham vấn và đề xuất với lực lượng chức năng để phát huy vai trò của cơ quan chức năng trong việc hạn chế ảnh hưởng tiêu cực của trò chơi trực tuyến để từ đó nâng cao trách nhiệm của các cơ quan.

- Tổ chức các lớp bồi dưỡng rèn luyện cho các bậc phụ huynh trong việc cung cấp kiến thức và kỹ năng để quản lý thời gian, việc học hành và nắm chắc tâm lý của con mình để từ đó giúp con mình không mắc phải căn bệnh nghiện trò chơi trực tuyến.

- Cần phải đề xuất việc quản lý trò chơi trực tuyến một cách chặt chẽ đối với cơ quan và lực lượng chức năng có thẩm quyền. để từ đó có biện pháp xử lý đối với những quán internet đã vi phạm. chính điều này sẽ có tác dụng to lớn trong việc giảm thiểu tác hại của trò chơi trực tuyến.

- Nhân viên công tác xã hội cần phải cùng với nhà trường khoanh vùng được các học sinh có nguy cơ nghiện trò chơi trực tuyến cao, sau đó nhanh chóng nắm bắt được biểu hiện của các em này để phối hợp cùng gia đình tìm biện pháp giúp thoát khỏi sự mê hoặc của các trò chơi thiếu lành mạnh.

Tư vấn cho các đại lý game kiểm tra chứng minh nhân dân của khách hàng chơi trò chơi trực tuyến để được quản lý chặt chẽ hơn

***2.2.4. Vai trò của công tác xã hội với vấn đề áp lực học tập***

*2.2.4.1. Khái niệm áp lực học tập*

Áp lực là sức ép về mặt tâm l‎‎‎í gây nên bởi các yếu tố chủ quan hoặc khách quan trong những hoàn cảnh nhất định. Có khi đó chỉ là những áp lực bình thường mà con người có thể vượt qua được, nhưng có khi đó lại là sức ép quá lớn, vượt quá ngưỡng chịu đựng và khả năng xử l‎‎ý của con người, gây ra những rối loạn về sinh lí, tâm thần và rối loạn hành vi ứng xử.‎ Trong nhiều năm qua, việc trẻ em, học sinh bị áp lực học tập là một vấn đề thực tế. Áp lực học tập đã làm cho đứa trẻ bị “chậm lớn”, ảnh hưởng không tốt đến đời sống thể chất cũng như đời sống tinh thần của trẻ. Áp lực học tập cũng gây ra nhiều vấn đề về phát triển thể lực, tâm lý và những vấn đề khác không chỉ với trẻ em ở bậc học tiểu học mà ngay cả đối với những học sinh ở bậc trung học cơ sở, trung học phổ thông, thậm chí là là sinh viên cao đẳng, đại học. Vậy nguyên nhân của vấn đề trên là gì?

*2.2.4.2. Nguyên nhân dẫn đến áp lực học tập*

*\* Nguyên nhân đầu tiên xuất phát từ sự kỳ vọng quá lớn của cha mẹ.*

Đa số các bậc phụ huynh đều có sự quan tâm nhất định đến việc học tập của con cái mình và mong muốn những đứa con của mình sẽ ngoan ngoãn, hiếu thảo, trở thành người tốt trong gia đình, trong xã hội và thành đạt. Các bậc cha mẹ, ông bà chăm chút từng miếng ăn, giấc ngủ cho con, cháu; đưa con, cháu đi, đón con, cháu về không kể sớm tối, không kể học chính khóa hay học thêm, học phụ đạo. Tuy nhiên, cũng chính các bậc cha mẹ lại cố tình hay vô ý lấy vị trí làm cha làm mẹ để mong mỏi hay kỳ vọng một cách quá đáng ở con mình. Những khát khao rằng con phải học giỏi, phải hát hay, tiếng Anh trôi chảy, ngoài ra còn phải biết chơi đàn, múa ba lê, phải bằng hoặc hơn nhiều học sinh, chúng bạn trong lớp hoặc hàng xóm láng giềng... Chính sự mong mỏi, kỳ vọng quá lớn đó hoặc những sự so sánh (thường là so sánh với những người giỏi hơn) đã gây cho các em tâm lí‎ không thoải mái, dễ chán nản, có khi hay cáu kỉnh, gắt gỏng, có lúc lại tự ti, trầm cảm, sống thu mình khi không đạt được những điều cha mẹ mong đợi.

Cũng không ít bậc cha mẹ đã tự gây áp lực cho chính con mình bằng những hành động cụ thể. Việc ép con chạy “show” (học thêm, học nhiều lĩnh vực khác nhau, nhất là ở những gia đình có điều kiện kinh tế khá giả, sống ở thành thị) như ca sĩ đã trở thành một phản ứng tức thời. Sáng học ở trường, buổi chiều tiếp tục đến nhà cô giáo học thêm để nâng cao kiến thức, tối đến thì các em lại qua trung tâm ngoại ngữ để học tiếng Anh,... Cuộc hành trình chưa dừng lại khi thứ bảy và chủ nhật không ít bậc phụ huynh vẫn còn tiếp tục đưa con mình đến lớp học nhằm phát triển tư duy, luyện kỹ năng giao tiếp và kỹ năng sống. Các em phải căng sức vật lộn, gồng mình đương đầu vì những cơn lốc học tập không có điểm dừng.

Bên cạnh đó còn có nhiều bậc cha mẹ có mong muốn con mình theo học những ngành thời thượng, mục đích đặt ra là phải vào được các trường đại học danh tiếng, cốt mong sau này tốt nghiệp ra trường kiếm được thật nhiều tiền và có vị trí cao trong xã hội, một tương lai sáng lạn hơn là cho con chọn lựa những ngành con cái thật sự yêu thích, có tiềm năng và thấy phù hợp.

Đánh giá đúng khả năng của con giúp các bậc cha mẹ không có những ảo tưởng để rồi thất vọng về con. Mặc dù, tâm lý chung của các bậc cha mẹ đều mong muốn con “hơn người”, nhưng, chính áp lực và kỳ vọng quá lớn của cha mẹ đối với con cái đã đưa cả gia đình vào những cuộc “phiêu lưu” vô định, thậm chí hoang tưởng, vô tình tạo nên bức tường ngăn cách với con, khiến con có nguy cơ mắc bệnh tâm lý, sống thu mình và ác cảm hơn.

*\* Áp lực do chương trình học quá nặng*

Hiện nay, hầu hết các bậc học ở nước ta đều được đánh giá là quá tải, quá nặng đối với người học. Chương trình học tiểu học, cùng với số môn học nhiều là nội dung học với yêu cầu quá cao, đã thực sự tạo cho học sinh áp lực học tập nặng nề (có nhiều người so sánh tổng số trọng lượng sách vở học sinh tiểu học còn lớn hơn số cân nặng của học sinh). Ngay từ bậc tiểu học, học sinh đã hầu như không có hoặc bị tước đoạt thời gian nghỉ ngơi, vui chơi giải trí, phát triển tâm hồn và thể chất. Các em dường như bị “đánh cắp tuổi thơ”. Lên đến các bậc học cao hơn – trung học cơ sở và trung học phổ thông thì tình trạng chương trình học quá tải càng trầm trọng hơn. Học sinh trung học phổ thông phải học khoảng 13 môn, trung bình 25 - 30 tiết/tuần. Chương trình càng lên cao, càng tiệm cận với chương trình đại học, càng khó, dù các tác giả sách giáo khoa đã cố gắng tinh giản. Theo dõi thời khoá biểu một tuần của các em mới thấy các em phải tiếp nhận một khối lượng kiến thức, kĩ năng khổng lồ như thế nào. Mỗi buổi 4 - 5 tiết học, mỗi tiết cách nhau 5 - 10 phút. Học sinh vừa mới đau đầu với vật lý hạt nhân, hoá học hữu cơ đã bị tra tấn bởi một màn chạy quanh sân vận động, rồi vừa thở vừa học một bài lí luận văn học, với những khái niệm trừu tượng mà giáo viên còn cảm thấy khó. Bên cạnh đó, theo kế hoạch của Bộ Giáo dục và Đào tạo thì chương trình giáo dục là 35 tuần/năm học, song Bộ lại quy định cuối tháng 5 thi tốt nghiệp, điều này đã gây nhiều khó khăn cho nhà trường trong việc vừa đảm bảo dạy đủ nội dung chương trình, vừa kịp tổng kết năm học và tổ chức ôn tập cho học sinh lớp 12 và tổ chức kì thi tốt nghiệp trung học phổ thông.

*\* Áp lực thi cử*

Một nền giáo dục còn thiên về lý thuyết, chú trọng vào kết quả thi cử chắc chắn sẽ tạo ra những áp lực rất lớn cho người học. Hiện nay, ở nước ta, về cơ bản, giáo viên vẫn lấy kết quả thi cử (kiểm tra, thi giữa học kỳ, thi hết môn, thi tốt nghiệp) làm thước đo chủ yếu (nếu không nói là duy nhất) để đánh giá năng lực học sinh. Điều này khiến cho học sinh phải dồn công sức vào học thuộc, học lý thuyết để làm bài thi đạt kết quả tốt nhất. Trong khi đó, các thước đo khác về sự sáng tạo, đánh giá người học ở tư duy khám phá, ứng dụng thực hành, thực tiễn vẫn còn khiêm tốn, bị hạn chế, chưa phổ biến. Điều này tạo cho người học trong quá trình học luôn bị áp lực về học để thi, học để trả bài, lấy điểm, nếu không sẽ bị trượt, bị ở lại lớp hoặc bị buộc thôi học.

Một trong những áp lực lớn nhất về thi cử chính là đích học hết phổ thông, tốt nghiệp và thi vào đại học. Càng lớn lên thì áp lực kỳ thi vào đại học càng khủng khiếp hơn đối với đa số học sinh. Vào được đại học là mục tiêu duy nhất, quan trọng nhất đối với nhiều gia đình, nhiều bậc phụ huynh và vì thế các bậc phụ huynh lại đặt trọng trách lớn lên con cái mình. Cũng không ít trường hợp, áp lực thi đỗ vào trường đại học (nhất là những trường đại học danh tiếng, có cơ hội tốt hơn cho đầu ra về công ăn việc làm và vị trí xã hội) là từ chính bản thân các em học sinh, bởi có nhiều em quan niệm rằng, con đường lập nghiệp duy nhất và rộng mở là học đại học. Bên cạnh đó, các em còn phải chịu áp lực từ phía dòng họ, láng giềng, cộng đồng, xã hội bởi đa số cho rằng vào được đại học là chiến thắng, là vinh quang, là danh dự, niềm tự hào của gia đình, của dòng họ, nếu không sẽ là sự thất bại, là công sức, tiền bạc mười mấy năm ăn học đổ xuống sông, xuống biển.

Áp lực thi cử cùng với những chương trình ôn thi nặng nề, cùng với quá nhiều áp lực từ gia đình và xã hội làm cho các em học sinh phải đương đầu với tình trạng căng thẳng, ức chế, thậm chí cảm thấy bế tắc, không có lối thoát và sẽ là tội lỗi nếu không thực hiện được các mong muốn về thi cử. Các em phải sống trong tình trạng này một thời gian dài, căng thẳng liên tục và lũy tiến. Và khi các em cho rằng thi đỗ đại học là lẽ sống, là danh dự, là cứu cánh duy nhất nhưng khi thi hỏng, thi trượt thì đối với nhiều em, cái lẽ sống đó bị mất đi, thấy đau khổ, tuyệt vọng, nghĩ đến những hành vi dại dột, có thể tìm đến cái chết để thoát khỏi sự đau khổ, tuyệt vọng ấy. Đây là một logic rất tự nhiên cũng là hồi chuông cảnh báo toàn xã hội.

\* *Áp lực từ "quá khứ" – học sinh, sinh viên tự gây cho mình áp lực*

Khi đề cập đến áp lực, hầu hết mọi người đều liên tưởng tới những điều có sức ép lớn, quá ngưỡng chịu đựng của một con người và những điều đó thường gắn liền với hiện tại, tương lai. Nhưng trong thực tế, chuyện học hành vẫn luôn tồn tại những áp lực từ quá khứ. Các áp lực từ quá khứ rất đa dạng, trong đó đặc biệt phải kể đến những áp lực từ thành tích học tập của các năm, các lớp học ở bậc học trước đây; những áp lực từ việc đã từng là người con ngoan, niềm tự hào của gia đình, của ông bà, cha mẹ hoặc đã đạt những thành tích, khen thưởng về các lĩnh vực khác ngoài học tập (văn nghệ, thể thao, hội họa, âm nhạc…); áp lực từ những thất bại, kém cỏi trong quá khứ.

- Áp lực xuất phát từ việc học giỏi của quá khứ

- Áp lực khi là em của "người nổi tiếng" học giỏi, là con cưng của thầy cô trong trường:

- Áp lực bởi việc trót mang tiếng học kém, bỗng dưng thi đỗ trường công lập, trường “có tiếng”:

*2.2.4.3. Hậu quả của áp lực học tập*

Áp lực học tập là nguy cơ dẫn đến rối loạn giấc ngủ do các em quá căng thẳng, mệt mỏi, mất tập trung... từ đó dẫn đến suy giảm hiệu quả học tập của các em. Bên cạnh đó, học sinh bị áp lực học tập thường có biểu hiện bất thường về mặt sinh học, như toát mồ hôi, tim đập nhanh, thở gấp, bụng cồn cào, tay run, bồn chồn, lo âu, hồi hộp…

Áp lực từ việc học hành khiến các em không chỉ bị ảnh hưởng về tinh thần mà còn về tình cảm. Nhiều học sinh bị tổn thương, không còn tìm thấy niềm vui cuộc sống do có quá nhiều áp lực học tập, khiến các em luôn trong trạng thái lo âu, mệt mỏi. Sự tổn thương này sẽ gây ra những tổn thương khác về chức năng nhận thức, khiến học sinh bị rối loạn, tư duy chậm, khó nhớ, sa sút về trí tuệ rồi trở thành những bệnh nhân tâm thần. Vì vậy, có thể nói áp lực học tập luôn mang theo những tác hại vô hình nhưng nặng nề, âm ỉ, kéo dài.

Nhiều trường hợp trẻ em – học sinh không thể chịu được áp lực học tập quá lớn nên đã tìm đến cái chết để tự giải thoát cho chính mình.

***2.2.5. Vai trò của công tác xã hội với vấn đề xã hội nảy sinh giữa thầy, cô giáo với học sinh***

*2.2.5.1. Vấn đề nảy sinh từ thái độ ứng xử giữa giáo viên và học sinh*

Trước đây trong quan niệm của người xưa: *“Một chữ cũng là thầy, nửa chữ cũng là thầy”* nhưng ngày nay cùng với sự biến đổi của kinh tế, văn hóa, xã hội thì tư tưởng *“tôn sư trọng đạo”* ấy đã dần có sự thay đổi theo, thậm chí là biến đổi một cách méo mó.

Nhiều học sinh nhìn thấy thầy, cô ở ngay trước mặt mà không cúi chào, thậm chí còn cố tình tảng lờ, né tránh để không phải giáp mặt. Cũng có những em chào nhưng ngôn ngữ xưng hô không lịch sự, lễ phép; có khi các em còn đặt cho người thầy, người cô những biệt hiệu khác nhau để ám chỉ trong câu chuyện đầy thích thú của mình. Không dừng lại ở ngôn ngữ, sự vô lễ còn tỏ rõ trong hành động khi trên bục giảng thầy cô đang giảng bài thì bên dưới học trò ngồi nói chuyện riêng, xem phim, trang điểm, nhắn tin, nghe điện thoại, đọc truyện, hút thuốc… một cách hồn nhiên hoặc lén lút thực hiện và tự mãn như một chiến công. Nghiêm trọng hơn là do thù ghét sự nghiêm khắc của các thầy cô mà học sinh có hành vi đe dọa, gây áp lực, viết đơn thư nặc danh, tố cáo vô căn cứ để hạ thấp, bôi nhọ danh dự, uy tín của thầy, cô, thậm chí hành hung hoặc thuê người hành hung thầy cô để trả thù.

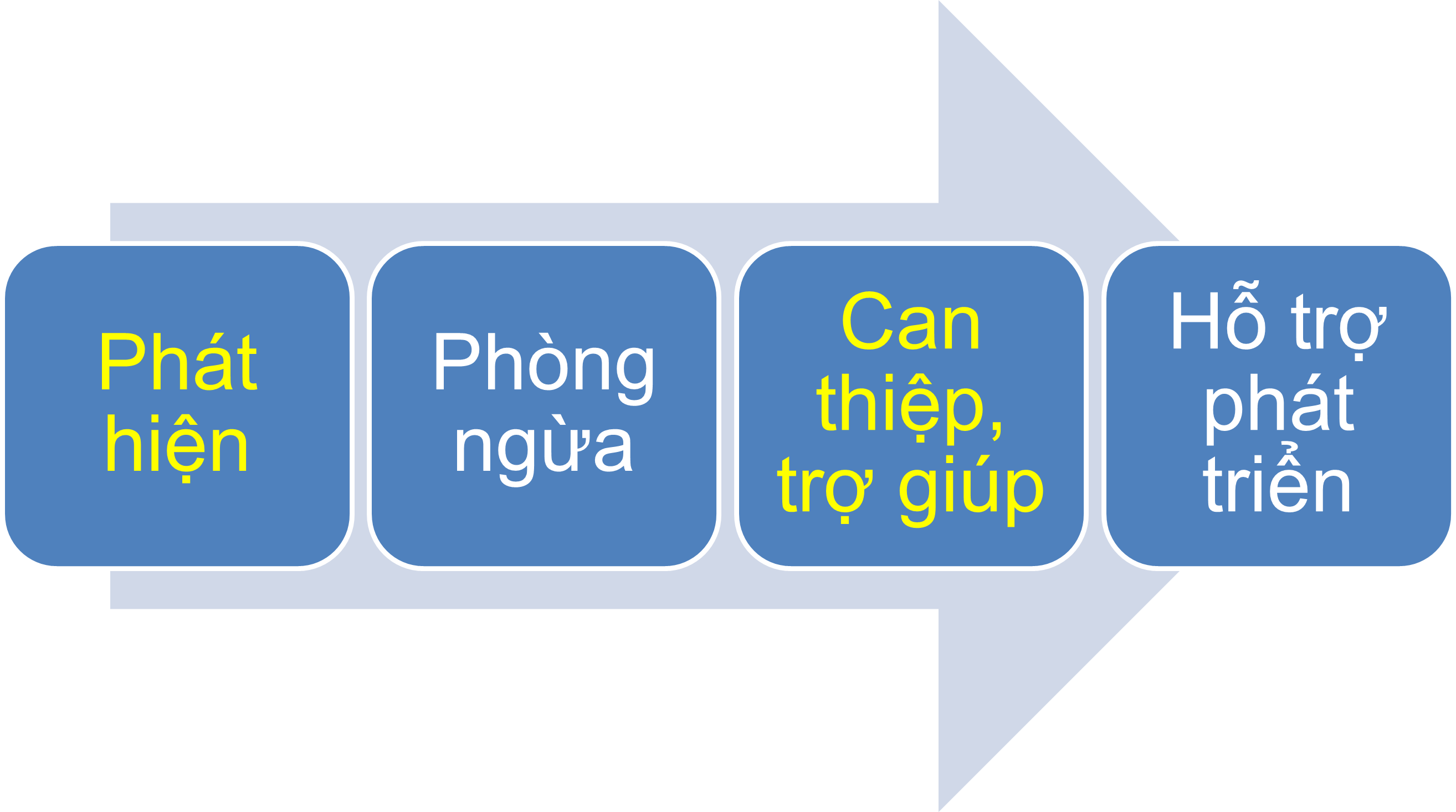
Hầu hết những người thầy người cô là những tấm gương sáng về đạo đức, nhân cách, lối sống song bên cạnh đó vẫn còn những người thầy, người cô chưa có sự chuẩn mực trong giao tiếp, ứng xử với học sinh. Đó có thể là sự vòi vĩnh quà cáp, là sự phân biệt đối xử công khai giữa các học sinh với nhau, là sự giao tiếp quá mức suồng sã, là sự gạ gẫm quan hệ tình dục để trao đổi điểm số. Những biểu hiện đó vẫn còn rải rác ở một số người, nó gây phản cảm đối với học sinh và làm hạ thấp giá trị của người thầy.

*2.2.5.2. Bạo lực giữa thầy cô với học sinh*

Bạo lực giữa thầy cô với học sinh phần lớn biểu hiện dưới hình thức bạo lực tinh thần, khó nhận biết nên mọi người lầm tưởng không thường xuyên diễn ra, nhưng thực tế lại khá phổ biến. Thông thường các thầy cô vẫn thường mắng học sinh trước tập thể lớp khi các em có lỗi. Và cứ thế lặp lại sẽ vô tình làm tổn thương học sinh, khiến trẻ sợ học, ghét thầy cô, học kém… Đánh học sinh cũng là biện pháp thói quen của một số thầy cô làm ảnh hưởng trực tiếp tới trò và là hành vi bạo lực trường học đáng lên án. Hiện nay còn xuất hiện các hành vi vi phạm đạo đức người giáo viên như ép học sinh quan hệ tình dục để đổi trác điểm, dọa nạt học sinh nếu không cho đụng chạm vào cơ thể thì đuổi học, cho điểm kém.

**CHUYÊN ĐỀ 3. QUY TRÌNH TRIỂN KHAI CÔNG TÁC XÃ HỘI TRƯỜNG HỌC**

Quy trình triển khai công tác xã hội trường học ở trường học bao gồm 4 bước:



**3.1. Rà soát phát hiện nguy cơ**

***3.1.1. Mục đích và yêu cầu của việc rà soát phát hiện nguy cơ***

Giúp cho nhà trường rà soát tổng thể về học sinh để có thể phát hiện ra những nguy cơ xảy ra với học sinh từ đó có chương trình phòng ngừa phù hợp nhằm hạn chế thấp nhất các nguy cơ có thể xảy ra với học sinh.

Giúp ngăn ngừa hoặc giảm thiểu những tác động tức thời hoặc dài hạn của những vấn đề gặp phải ở học sinh.

Rà soát, nắm bắt thông tin, tâm tư, nguyện vọng, hoàn cảnh gia đình và các hiện tượng bất thường của người học. Chủ động phát hiện người học có hoàn cảnh đặc biệt, có nguy cơ rơi vào hoàn cảnh đặc biệt, nghỉ học thường xuyên, có nguy cơ bỏ học, bị xâm hại, bị bạo lực, vi phạm pháp luật.

Thiết lập hệ thống tiếp nhận thông tin của cơ sở giáo dục như hòm thư góp ý, đường dây nóng hoặc các hình thức sử dụng công nghệ thông tin để tiếp nhận các vụ việc có nguy cơ gây tổn hại đến người học.

Những thời điểm có thể tiến hành rà soát phát hiện nguy cơ đối với học sinh:

+ Các cấp học/trường học có một số lượng lớn học sinh có các vấn đề về nhận thức, cảm xúc hay hành vi;

+ Những học sinh mới vào trường;

+ Những học sinh khó hoàn thành các nhiệm vụ học tập như chuẩn bị các kỳ thi;

+ Trước khi rời khỏi trường học để chuyển cấp.

***3.1.2. Nội dung rà soát phát hiện nguy cơ***

- Nhận diện những vấn đề nổi cộm của học sinh toàn trường:

Cán bộ quản lý trường học cần phân công cán bộ làm đầu mối công tác xã hội trường học tiến hành xây dựng kế hoạch và lựa chọn nhân sự để cán bộ quản lý phê duyệt thực hiện việc nhận diện những vấn đề nổi cộm của học sinh toàn trường. Tùy từng cấp học, trường, khối lớp, lớp mà có thể có những vấn đề nổi cộm khác nhau.

- Nhận diện những học sinh có vấn đề trong học tập, giao tiếp và cuộc sống:

Cán bộ được phân công làm đầu mối về công tác xã hội trường học cần tiến hành nhận diện những học sinh có vấn đề trong học tập, giao tiếp và cuộc sống bằng nhiều phương pháp khác nhau, có thể thông qua hồ sơ của học sinh, thông qua phương pháp quan sát để phát hiện những nguy cơ bất thường từ dấu hiệu hành vi, có thể thông qua các công cụ như trắc nghiệm,... cán bộ đầu mối công tác xã hội trường học cần được bồi dưỡng chuyên sâu để họ có thể sử dụng thành thạo các phương pháp nhận diện vấn đề của học sinh. Bởi lẽ, trên thực tế họ được đào tạo ở trường sư phạm nhưng không được học chuyên sâu về công tác xã hội trường học, không được đào tạo chuyên sâu về nhận diện những vấn đề của học sinh.

- Đánh giá những dữ liệu thu được dựa trên việc kết hợp các nguồn thông tin khác nhau:

Cán bộ làm đầu mối công tác xã hội cần phối hợp với giáo viên chủ nhiệm, tổng phụ trách đội, cán bộ đoàn, phụ huynh học sinh,… để tiến hành thu thập những thông tin từ các nguồn lực này. Trên cơ sở thu thập được các nguồn thông tin khác nhau về học sinh cần tiến hành đánh giá những dữ liệu được dựa trên việc kết hợp các nguồn thông tin khác nhau trên nguyên tắc: khách quan, bình đẳng, công bằng từ đó có thể phát hiện được những nguy cơ xảy ra với học sinh.

Trên thực tế, khi rà soát phát hiện nguy cơ xảy ra ở mỗi cấp học, mỗi trường học lại có những nguy cơ học sinh gặp phải khác nhau. Có trường học sinh có nguy cơ bỏ học nhiều, nhất là ở những nơi có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, còn tồn tại những hủ tục như tảo hôn nên các em có nguy cơ bỏ học sớm, có những trường tùy từng thời điểm lại có những nguy cơ khác nhau như nguy cơ học sinh có hành vi bạo lực trên đường từ nhà đến trường và ngược lại, có trường lại có nguy cơ học sinh yêu sớm, quan hệ tình dục không an toàn,…

Lên kế hoạch sử dụng những dữ liệu đã được sàng lọc: Cán bộ đầu mối công tác xã hội trường học trên cơ sở Đánh giá những dữ liệu thu được dựa trên việc kết hợp các nguồn thông tin khác nhau họ sẽ cung cấp cho cán bộ quản lý nhà trường, cho giáo viên, cha mẹ học sinh,... để có thể lập kế hoạch sử dụng những dữ liệu đã được sàng lọc, đánh giá nhằm xây dựng được các chương trình phòng ngừa kịp thời, đúng đắn.

**3.2. Phòng ngừa**

***3.2.1. Mục đích của hoạt động phòng ngừa***

Giúp cho nhà trường xây dựng chương trình phòng ngừa phù hợp theo hướng chuyên nghiệp của công tác xã hội căn cứ vào kết quả hoạt động rà soát phát hiện vấn đề của học sinh nhằm hạn chế thấp nhất vấn đề có thể xảy ra.

***3.2.2. Nội dung hoạt động phòng ngừa***

- Tuyên truyền phổ biến các vấn đề có nguy cơ tổn hại đến người học và cung cấp những kiến thức, thông tin cần thiết cho học sinh;

- Các dịch vụ phòng ngừa dưới góc độ công tác xã hội có thể cung cấp tại trường;

- Tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng sống và giá trị sống;

- Tổ chức trang bị về phương pháp kỷ luật tích cực cho đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhất là giáo viên chủ nhiệm;

- Tổ chức trang bị về nghệ thuật chủ nhiệm cho giáo viên chủ nhiệm.

***3.2.3. Cách thức tiến hành***

*3.2.3.1. Truyền thông phổ biến các vấn đề có nguy cơ tổn hại đến người học và cung cấp những kiến thức, thông tin cần thiết cho học sinh*

- Thu thập, phân tích, đánh giá những vấn đề nổi cộm của học sinh trong trường (học sinh có nguy cơ bỏ học, học sinh có nguy cơ bạo lực học đường, học sinh có nguy cơ bị stress, căng thẳng trước mùa thi, học sinh có nguy cơ không biết lựa chọn nghề, định hướng giá trị bản thân…).

- Lựa chọn vấn đề cần thiết có thể tổ chức các chương trình phòng ngừa các vấn đề có nguy cơ tổn hại đến người học và cung cấp những kiến thức, thông tin cần thiết cho học sinh.

- Cán bộ đầu mối công tác xã hội trường học tiến hành huy động nguồn lực phục vụ cho việc thực hiện chương trình truyền thông phổ biến các vấn đề có nguy cơ tổn hại đến người học và cung cấp những kiến thức, thông tin cần thiết cho học sinh. Các nguồn lực trong và ngoài nhà trường cán bộ đầu mối công tác xã hội trường học có thể huy động:

*+ Nguồn lực trong nhà trường:*

* Ban Giám hiệu
* Tổng phụ trách đội
* Giáo viên chủ nhiệm
* Giáo viên bộ môn
* Ban Cha mẹ học sinh
* Nhóm học sinh nòng cốt
* Nhân viên trong trường (Y tế, bảo vệ…)

*+ Nguồn lực ngoài nhà trường:*

* Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã
* Ban Bảo vệ trẻ em cấp xã/huyện
* Công an cấp xã
* Đoàn thể
* Tổ chức xã hội – nghề nghiệp (Hội khuyến học,…)
* Doanh nghiệp, cá nhân
* Trung tâm công tác xã hội cấp tỉnh, huyện
* Tổng đài Quốc gia bảo vệ trẻ em: 111

- Thiết kế các chương trình truyền thông phổ biến các vấn đề có nguy cơ tổn hại đến người học và cung cấp những kiến thức, thông tin cần thiết cho học sinh và triển khai toàn trường: xác định mục tiêu, đối tượng, xây dựng nội dung, thời gian, cách thức thực hiện, nhân lực tiến hành truyền thông phổ biến các vấn đề có nguy cơ tổn hại đến người học và cung cấp những kiến thức, thông tin cần thiết cho học sinh.

- Xác định các hình thức truyền thông phổ biến các vấn đề có nguy cơ tổn hại đến người học và cung cấp những kiến thức, thông tin cần thiết cho học sinh phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường. Có thể là truyền thông trực tiếp đến học sinh thông qua hình thức sân khấu hóa, qua các tiểu phẩm, bài hát, nhạc kịch, thơ, báo tường... nhân các ngày lễ lớn như ngày 26/3; ngày 01/6; ngày 27/7; ngày 10/10 (giỗ tổ Hùng Vương); ngày tết trung thu; ngày 20/11; ngày 22/12 hay ngày tết cổ truyền của dân tộc,... Bên cạnh đó có thể thực hiện hình thức truyền thông gián tiếp thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, thông qua fanpage, trang web (nếu có) của nhà trường qua đó giúp cho học sinh thay đổi nhận thức, có kiến thức về vấn đề gặp phải, về các nguồn lực trợ giúp, phát hiện ra các nguy cơ xảy ra để chủ động phòng ngừa vấn đề xảy đến với mình. Cán bộ đầu mối công tác xã hội trường học cũng có thể kết nối với Phòng Công an cấp huyện để tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật liên quan đến an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy, tai nạn thương tích, có thể phối hợp với Trung tâm văn hóa cấp huyện tổ chức các hoạt động truyền thông phòng chống đuối nước, phòng chống thuốc lá, rượu bia; phối hợp với Trung tâm Y tế cấp huyện để họ tổ chức tuyên truyền về sức khỏe sinh sản vị thành niên, vấn đề tình bạn, tình yêu,...

*3.2.3.2. Các dịch vụ phòng ngừa dưới góc độ công tác xã hội có thể cung cấp tại trường:*

• Sàng lọc sức khỏe tinh thần và học tập của học sinh

• Các chương trình nâng cao năng lực xã hội cho học sinh

• Những sáng kiến an toàn học đường

• Tham vấn học đường (tham vấn cá nhân, nhóm)

• Ngăn ngừa học sinh tự tử

• Giáo dục phòng ngừa về ma túy cho học sinh

• Phòng ngừa bạo lực học đường cho học sinh

• Phòng chống bắt nạt trong trường học cho học sinh

• Chăm sóc sức khỏe thể chất, sức khỏe tinh thần cho học sinh

• Đào tạo/ tập huấn nghệ thuật làm cha mẹ

• Cha mẹ thông thái đồng hành cùng nhà trường

• Giáo dục kỹ năng sống, giá trị sống cho học sinh

• Hỗ trợ học sinh đặc biệt: học sinh bị khuyết tật, tự kỷ

*3.2.3.3. Giáo dục kỹ năng sống và giá trị sống*

Giáo dục kỹ năng sống và giá trị sống với tư cách là một hoạt động phòng ngừa các vấn đề nảy sinh trong trường học rất hiệu quả trên thực tế và đây cũng là nội dung cán bộ đầu mối công tác xã hội trường học cần đẩy mạnh khi thực hiện vai trò của mình.

*1) Mục đích giáo dục kỹ năng sống và giá trị sống*

Tổ chức các chương trình đào tạo, bồi dưỡng về phương pháp giảng dạy kỹ năng sống, giá trị sống, phương pháp tích hợp giáo dục kỹ năng sống, giá trị sống vào các môn học ở trường phổ thông qua đó giúp đội ngũ giáo viên các trường có thể giảng dạy kỹ năng sống hoặc tích hợp nội dung giáo dục kỹ năng sống vào các môn học cụ thể qua đó giúp cho học sinh phòng ngừa các vấn đề nảy sinh.

Tổ chức giáo dục kỹ năng sống cho học sinh nhằm giúp học sinh có thể phòng ngừa các vấn đề nảy sinh trong học tập và cuộc sống.

*\* Nội dung giáo dục kỹ năng sống và giá trị sống*

- Đối với giáo viên:

Trang bị cho giáo viên về phương pháp giảng dạy kỹ năng sống và giá trị sống với một số chuyên đề cụ thể sau:

* Tổng quan về giáo dục kỹ năng sống, giá trị sống
* Phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực ứng dụng trong giảng dạy kỹ năng sống, giá trị sống
* Nghệ thuật sư phạm trong giảng dạy kỹ năng sống, giá trị sống
* Kỹ năng tổ chức trò chơi và các hoạt động nhóm trong giảng dạy kỹ năng sống, giá trị sống
* Kỹ thuật xây dựng giáo án trên giấy, giáo án điện tử về giáo dục kỹ năng sống, giá trị sống.
* Đối với các giáo viên bộ môn ngoài các chuyên đề trên có thể trang bị cho giáo viên thêm chuyên đề về kỹ năng tích hợp nội dung giáo dục kỹ năng sống, giá trị sống vào các môn học cụ thể ở trường phổ thông.

- Đối với học sinh:

Để giúp học sinh chủ động phòng ngừa các vấn đề nảy sinh trong và ngoài nhà trường, cán bộ đầu mối công tác xã hội trường học có thể trang bị cho học sinh một số chủ đề tùy thuộc vào cấp học.

+ Với cấp tiểu học, có thể chú trọng vào một số kỹ năng: Kỹ năng tự phục vụ; kỹ năng tự nhận thức, kỹ năng xác định giá trị bản thân; kỹ năng phòng chống đuối nước; kỹ năng phòng chống bạo lực học đường; kỹ năng phòng chống xâm hại, quấy rối tình dục...

+ Với học sinh trung học cơ sở, trung học phổ thông, có thể chú trọng vào một số kỹ năng như học sinh tiểu học nhưng thêm một số kỹ năng: Sức khỏe sinh sản vị thành niên; tình bạn, tình yêu; kỹ năng lựa chọn nghề; kỹ năng khởi nghiệp; kỹ năng giải quyết mâu thuẫn – xung đột;...

Trường hợp học sinh có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn

*Sống trong gia đình có bố mất sớm, mẹ bệnh nặng, nhưng Nguyễn Ngọc Hiển vẫn luôn giành danh hiệu học sinh giỏi. Thương mẹ vất vả, hằng ngày ngoài giờ học, Hiển lại ra vườn cà phê. Trưa nắng, Hiển tranh thủ đi mót cà phê để kiếm thêm tiền phụ giúp gia đình. Cậu còn thay mẹ chăm sóc bà ngoại đau ốm. Bận bịu là thế nhưng học tập vẫn luôn là niềm đam mê với cậu trò nghèo. Yêu môn toán và ước mơ thành bác sĩ. Song do điều kiện kinh tế quá khó khăn, cả bà và mẹ đều trong giai đoạn ốm rất nặng, nếu Hiển vẫn đến trường thì em sẽ không có thể nhiều thời gian để vừa kiếm tiền thuốc thang, chạy chữa cho bà và mẹ, vừa ở bên để lo cơm cháo, chăm sóc cho cả nhà. Mặc dù rất muốn được đến trường, muốn được học tập cùng thầy cô và các bạn, muốn được thực hiện ước mơ của mình là trở thành một bác sỹ giỏi nhưng thực tế thì em có khả năng em sẽ không thể tiếp tục được nữa. Do bao nhiêu tiền kiếm được, em đầu dành để mua thuốc cho bà và mẹ nên em không có tiền đóng học phí. Hiển quyết định sẽ nghỉ học nhưng bà và mẹ rất thương em, không muốn em từ bỏ ước mơ của mình nhưng cả nhà dường như không có giải pháp nào để giải quyết những vấn đề khó khăn trên.*

**3.3. Can thiệp, trợ giúp**

Can thiệp, trợ giúp là nhiệm vụ thứ 3 cán bộ đầu mối công tác xã hội trường học cần phải thực hiện khi triển khai hoạt động công tác xã hội trong trường học. Quy trình can thiệp, trợ giúp học sinh bao gồm:

*1) Tiếp nhận thông báo và đánh giá ban đầu*

Giáo viên, nhân viên được phân công làm đầu mối tham mưu triển khai công tác xã hội trong trường học tiếp nhận thông báo và đánh giá ban đầu về nhu cầu hỗ trợ của người học;

- Giáo viên, nhân viên được phân công làm đầu mối tham mưu triển khai công tác xã hội trong trường học trao đổi, lấy ý kiến của người học và các đối tượng liên quan để xác minh lại thông tin vụ việc. Đánh giá toàn diện nhu cầu cần hỗ trợ của người học dựa trên mức độ và nguy cơ bị tổn hại;

- Chỉ định phương án can thiệp, trợ giúp.

Căn cứ kết quả xác minh và đánh giá nhu cầu của người học, Thủ trưởng cơ sở giáo dục quyết định phương án can thiệp, trợ giúp đối với người học.

*2) Đối với trường hợp can thiệp, trợ giúp tại cơ sở giáo dục*

*Đối với trường hợp trên, nhiệm vụ của người giáo viên chủ nhiệm là báo cáo với cán bộ phụ trách trong trường học về tình trạng của em H. Sau khi cán bộ phụ trách biết các thông tin cơ bản của học sinh từ giáo viên chủ nhiệm, cán bộ phụ trách công tác xã hội cần có sự gặp gỡ học sinh và gia đình để đánh giá toàn diện những khó khăn và xem xét các nhu cầu của học sinh để từ đó lên kế hoạch trợ giúp và trình các cấp để phê duyệt kế hoạch rồi tiến hành trợ giúp*

- Giáo viên, nhân viên được phân công làm đầu mối tham mưu triển khai công tác xã hội trong trường học xây dựng kế hoạch can thiệp, trợ giúp dựa trên kết quả đánh giá toàn diện về vụ việc hoặc nhu cầu của người học, xác định mục tiêu và các hoạt động can thiệp.

- Phê duyệt Kế hoạch can thiệp trợ giúp:

Sau khi nhận được Kế hoạch can thiệp, trợ giúp người học, Thủ trưởng cơ sở giáo dục có trách nhiệm phê duyệt trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc.

- Thực hiện Kế hoạch can thiệp, trợ giúp người học:

Giáo viên, nhân viên được phân công làm đầu mối tham mưu triển khai công tác xã hội trong trường học chủ trì, phối hợp với người học, gia đình người học và các bên liên quan thực hiện hoạt động can thiệp, trợ giúp người học theo Kế hoạch được Thủ trưởng cơ sở giáo dục phê duyệt. Theo dõi, giám sát việc thực hiện các hoạt động can thiệp, trợ giúp và kịp thời điều chỉnh các hoạt động can thiệp, trợ giúp nếu cần thiết.

- Rà soát, đánh giá nguy cơ sau can thiệp, trợ giúp người học:

Giáo viên, nhân viên được phân công làm đầu mối tham mưu triển khai công tác xã hội trong trường học đánh giá tình trạng và nguy cơ người học bị tổn hại sau can thiệp trợ giúp, đưa ra các nhận định, kết luận về tình trạng hiện tại của người học và nguy cơ bị tổn hại sau khi thực hiện các biện pháp can thiệp, trợ giúp. Báo cáo rà soát, đánh giá tình trạng của người học sau can thiệp, trợ giúp theo Mẫu số 04 ban hành kèm theo Thông tư này;

Trường hợp người học không còn tổn hại hoặc nguy cơ bị tổn hại thì báo cáo Thủ trưởng cơ sở giáo dục để kết thúc quy trình can thiệp, trợ giúp;

Trường hợp người học vẫn còn tổn hại hoặc nguy cơ bị tổn hại, tiếp tục thực hiện can thiệp, trợ giúp hoặc lập kế hoạch can thiệp, trợ giúp mới, phù hợp với tình trạng của người học.

*3) Đối với trường hợp can thiệp, trợ giúp tại cộng đồng*

- Trường hợp người học bị xâm hại, bị bạo lực hoặc các vụ việc khác có mức độ phức tạp vượt quá khả năng can thiệp, hỗ trợ của cơ sở giáo dục:

Cơ sở giáo dục thực hiện chuyển, gửi đến một trong các cơ quan sau: Ủy ban nhân dân cấp xã; Tổng đài điện thoại Quốc gia bảo vệ trẻ em theo số 111; Cơ quan Công an cấp xã; Cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện; Trung tâm công tác xã hội cấp tỉnh, thành phố hoặc các Trung tâm cung cấp dịch vụ công tác xã hội cấp quận, huyện tại địa phương;

Cơ sở giáo dục liên hệ trực tiếp với Tổng đài điện thoại Quốc gia bảo vệ trẻ em theo số 111 để được hướng dẫn hoặc có Công văn chuyển, gửi vụ việc của người học đến các cơ quan liên quan trong thời hạn không quá 12 giờ làm việc kể từ khi nhận được thông báo;

Giáo viên, nhân viên được phân công làm đầu mối tham mưu triển khai công tác xã hội trong trường học phối hợp với đơn vị tiếp nhận người học để hỗ trợ, theo dõi, giám sát quá trình tiếp nhận, can thiệp, trợ giúp bảo đảm phù hợp với nhu cầu của người học.

- Trường hợp người học bỏ học hoặc có nguy cơ bỏ học do vấn đề văn hóa, tôn giáo, di cư, hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn vượt quá khả năng hỗ trợ của cơ sở giáo dục:

Cơ sở giáo dục thông báo trực tiếp hoặc báo cáo bằng văn bản đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người học cư trú để hỗ trợ, vận động người học trở lại trường hoặc có giải pháp quản lý tại địa phương.

**3.4. Hỗ trợ phát triển**

Công tác xã hội trường học ngoài việc thực hiện phát hiện sớm vấn đề, phòng ngừa, can thiệp, trị liệu họ còn phải thực hiện vai trò hỗ trợ phát triển. Đây là vai trò là khâu quan trọng trong chu trình hoạt động công tác xã hội trong trường học.

Theo Thông tư 33/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, nhiệm vụ thứ 4 trong quy trình triển khai hoạt động công tác xã hội trường học vào thực tế được quy định như sau:

*1) Giáo viên, nhân viên được phân công làm đầu mối tham mưu triển khai công tác xã hội trong trường học*

Phối hợp với giáo viên, cán bộ bảo vệ trẻ em cấp xã hỗ trợ người học sau khi kết thúc quy trình can thiệp, trợ giúp được tham gia một cách bình đẳng các hoạt động tại cơ sở giáo dục và cộng đồng;

Cập nhật và cung cấp thông tin về luật pháp, chính sách xã hội liên quan cho người học, giáo viên, nhân viên trong cơ sở giáo dục và cha mẹ hoặc người giám hộ để giúp người học tiếp cận hệ thống trợ giúp xã hội;

Tham mưu Thủ trưởng cơ sở giáo dục hình thành và phát triển các dịch vụ công tác xã hội trong trường học phù hợp với nhu cầu của người học;

Tham mưu Thủ trưởng cơ sở giáo dục kiến nghị với các cơ quan có thẩm quyền về các chính sách liên quan đến người học và thúc đẩy việc thực hiện quyền của người học.

*2) Khuyến khích các cơ sở giáo dục chủ động xây dựng phong trào kết nghĩa giữa trường học với cơ quan, doanh nghiệp tại địa phương, huy động nguồn lực để hỗ trợ người học có hoàn cảnh đặc biệt, hỗ trợ giáo viên trong các hoạt động công tác xã hội tại cơ sở giáo dục.*

*\* Phối hợp với giáo viên, cán bộ bảo vệ trẻ em cấp xã hỗ trợ người học sau khi kết thúc quy trình can thiệp, trợ giúp được tham gia một cách bình đẳng các hoạt động tại cơ sở giáo dục và cộng đồng;*

Sau khi kết thúc quy trình can thiệp, trợ giúp trẻ trực tiếp tại trường hoặc kết nối, chuyển gửi, cán bộ đầu mối về công tác xã hội trường học sẽ phối hợp với cán bộ bảo vệ trẻ em cấp xã đối với các cấp học (mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) để tìm hiểu những chính sách cụ thể hỗ trợ cho trẻ em, nhất là trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt giúp cho trẻ có cơ hội được tham gia bình đẳng vào các hoạt động học tập, giao tiếp tại trường cũng như tại cộng đồng.

Cán bộ đầu mối công tác xã hội trường học phối hợp với các giáo viên bộ môn để cung cấp những thông tin cơ bản nhưng không làm lộ bí mật theo nguyên tắc của công tác xã hội trường học, những thông tin này giúp cho các giáo viên bộ môn có thể hiểu được cách thức hỗ trợ cho các em học sinh đã được can thiệp, trợ giúp giúp cho học sinh đó có thể tham gia học tập bình đẳng với những học sinh khác, hạn chế sự kỳ thị, phân biệt đối xử từ chính giáo viên bộ môn, từ các bạn học sinh khác giúp cho các em có thể hòa nhập có hiệu quả vào trường học.

*\* Cập nhật và cung cấp thông tin về luật pháp, chính sách xã hội liên quan cho người học, giáo viên, nhân viên trong cơ sở giáo dục và cha mẹ hoặc người giám hộ để giúp người học tiếp cận hệ thống trợ giúp xã hội;*

Đối với nước ta hiện nay, có rất nhiều quy định về luật pháp như luật trẻ em năm 2016; luật người khuyết tật năm 2010; các chính sách về trợ giúp xã hội, nhất là trợ giúp xã hội đối với học sinh có hoàn cảnh đặc biệt, học sinh có nguy cơ rơi vào hoàn cảnh đặc biệt, học sinh có vấn đề khác, việc cập nhật này sẽ giúp cho cán bộ đầu mối công tác xã hội trường học hiểu được những quy định cụ thể của luật pháp, đặc biệt là các chính sách trợ giúp xã hội giúp cho học sinh có thể tiếp cận, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của học sinh, biện hộ cho học sinh để họ có cơ hội thụ hưởng những chính sách trợ giúp xã hội giúp các em có điều học tập và phát triển năng lực cá nhân.

*\* Tham mưu Thủ trưởng cơ sở giáo dục hình thành và phát triển các dịch vụ công tác xã hội trong trường học phù hợp với nhu cầu của người học;*

Cán bộ đầu mối công tác xã hội trường học tham mưu cho hiệu trưởng các cơ sở giáo dục để có thể cung cấp các dịch vụ công tác xã hội trong trường học thông qua các dịch vụ này sẽ trực tiếp hay gián tiếp giúp học sinh giải quyết vấn đề gặp phải, phát huy tiềm năng của bản thân. Cụ thể cán bộ đầu mối công tác xã hội trường học có thể tham mưu cho hiệu trưởng để mời các chuyên gia hỗ trợ cho nhà trường các chương trình bồi dưỡng chuyên sâu cho đội ngũ giáo viên bộ môn, giáo viên chủ nhiệm.

**CHUYÊN ĐỀ 4. KỸ NĂNG CÔNG TÁC XÃ HỘI TRƯỜNG HỌC**

**4.1. Nhóm kỹ năng cơ bản**

***4.1.1. Kỹ năng thiết lập mối quan hệ***

Công tác xã hội trường học là một hoạt động trợ giúp, chủ yếu dựa trên sự tương tác giữa người làm công tác xã hội trường học (cán bộ, giáo viên, nhân viên) và học sinh là học sinh, chính vì vậy trong công tác xã hội trường học việc thiết lập được mối quan hệ tốt với học sinh là vô cùng quan trọng, quyết định phần lớn đến hiệu quả trợ giúp. Chỉ khi người làm công tác xã hội trường học thiết lập được mối quan hệ tốt đẹp với học sinh mới có thể gây ảnh hưởng và tạo động cơ cho học sinh làm nên những thay đổi tích cực trong cuộc sống của họ.

Người làm công tác xã hội trường học thường sử dụng kỹ năng này trong giai đoạn đầu của quá trình tiếp cận, đó là thời điểm người làm công tác xã hội trường học và học sinh có sự tiếp xúc đầu tiên. Để làm được điều này, tất cả điệu bộ, cử chỉ và những hành vi ngôn ngữ và phi ngôn ngữ của người làm công tác xã hội trường học có vai trò rất quan trọng trong việc xây dựng niềm tin và sự hợp tác của học sinh.

Từ những phân tích trên chúng tôi quan niệm:

*Kỹ năng thiết lập mối quan hệ trong công tác xã hội trường học là sự vận dụng những tri thức, kinh nghiệm, phẩm chất nghề nghiệp của người làm công tác xã hội trường học (cán bộ, giáo viên, nhân viên) trong quá trình tương tác với học sinh, làm cho học sinh cảm thấy tin tưởng, muốn hợp tác và đón nhận sự trợ giúp của người làm công tác xã hội trường học trong việc giải quyết vấn đề của họ.*

*Mục đích của kỹ năng thiết lập mối quan hệ*: Kỹ năng này nhằm mục đích tạo sự tin tưởng ở học sinh đối với người làm công tác xã hội trường học.

Các thao tác tiến hành kỹ năng thiết lập mối quan hệ với học sinh của người làm công tác xã hội trường học:

– Tạo bầu không khí thân thiện, cởi mở: Cử chỉ của người làm công tác xã hội trường học luôn luôn cởi mở, chân thành, thân thiện tạo cho học sinh cảm giác tin cậy và an toàn khi tiếp xúc. Người làm công tác xã hội trường học sử dụng ánh mắt và các động tác cơ thể để khuyến khích học sinh trò chuyện, chia sẻ.

– Người làm công tác xã hội trường học cần giải thích một cách rõ ràng cho học sinh hiểu về mục đích và nguyên tắc của công tác xã hội trường học trong đó có nguyên tắc bảo mật thông tin, nguyên tắc tôn trọng.

– Người làm công tác xã hội trường học sẵn sàng lắng nghe và chấp nhận học sinh vô điều kiện: không phê phán, lên án hay phản bác học sinh khi họ nói quan điểm, hành vi, suy nghĩ khác thường.

– Người làm công tác xã hội trường học thể hiện sự cảm thông, chia sẻ, và tôn trọng học sinh: quan tâm đến cảm giác của học sinh khi làm việc với mình.

Ví dụ: Học sinh lớp 7, thời gian gần đây có biểu hiện đánh bạn, nhà trường đã nhắc nhở, thậm chỉ kỷ luật nhưng học sinh vẫn tiếp tục đánh bạn. Nhà trường đã cử người làm công tác xã hội trường học làm việc với học sinh này.

Người làm công tác xã hội sử dụng kỹ năng thiết lập mối quan hệ để thiết lập mối quan hệ tích cực với học sinh này: Từ việc lắng nghe tích cực, chấp nhận học sinh vô điều kiện, đến cử chỉ tạo sự thân thiện, chân thành, đáng tin cậy, chia sẻ và tôn trọng dù em đã có hành vi chưa phù hợp là đánh bạn nhiều lần.

***4.1.2. Kỹ năng thấu cảm***

Tác giả R. F. Dymond, (1949) cho rằng, thấu cảm là khả năng cảm nhận và mô tả lại những suy nghĩ, cảm xúc của người kia trên cơ sở đặt mình vào họ để nhìn nhận thế giới theo lăng kính của họ. Như vậy, thấu hiểu vừa là thái độ, vừa là một phẩm chất, và vừa là một kỹ năng quan trọng của người làm công tác xã hội trường học. Thấu cảm là khả năng cảm nhận và hiểu chính xác những cảm xúc suy nghĩ, niềm tin của học sinh, đồng thời biểu hiện đáp ứng với tâm trạng cảm xúc và suy nghĩ đó.

*Kỹ năng thấu cảm là sự vận dụng tri thức, kinh nghiệm vào hành vi thể hiện sự cảm nhận sâu sắc và chấp nhận cảm xúc, suy nghĩ của học sinh nhằm tạo lập mối quan hệ trợ giúp có hiệu quả trong công tác xã hội trường học.*

*Mục đích của kỹ năng thấu cảm:* giúp người làm công tác xã hội trường học tạo niềm tin và cảm giác an toàn cho học sinh, trên cơ sở đó thiết lập mối quan hệ hợp tác tích cực trong quá trình trợ giúp học sinh giải quyết vấn đề.

Những yêu cầu khi sử dụng KN thấu cảm đối với người làm công tác xã hội trường học:

– Đặt mình vào hoàn cảnh của học sinh để hiểu được tình cảm và ý nghĩ bên trong của họ.

– Nhắc lại cảm xúc của học sinh đang nói và nguyên nhân dẫn đến cảm xúc đó.

– Làm cho học sinh cảm nhận được điều họ đang cảm thấy là đúng trong hoàn cảnh của họ.

– Làm cho học sinh thấy họ có giá trị.

*Công thức chung của kỹ năng thấu cảm*: Nhắc lại cảm xúc, suy nghĩ và nguyên nhân gây ra, đồng thời chỉ ra cho học sinh thấy giá trị của học sinh liên quan đến tình huống.

Ví dụ 1: Em cảm thấy lo lắng khi kì thi sắp đến mà em không sao nhớ được những phần đã học

Người làm công tác xã hội trường học: Em thấy lo lắng vì em cho rằng em không nhớ những phần em đã học. Chỉ có những ai có trách nhiệm với việc học tập thì mới cảm thấy lo lắng như em.

Ví dụ 2. Em rất buồn vì bố mẹ em suốt ngày cãi nhau chẳng biết có sự tồn tại của em. Em chỉ muốn bỏ nhà đi để họ không còn nhìn thấy em nữa.

Người làm công tác xã hội trường học: Em cảm thấy buồn vì cho rằng bố mẹ hay cãi nhau và không biết đến sự có mặt của mình. Chỉ có những người khát khao một gia đình hạnh phúc thì mới có cảm xúc như em.

***4.1.3. Kỹ năng đặt câu hỏi***

Trong công tác xã hội trường học, để có thể thu thập được thông tin cần thiết thì việc hỏi rất quan trọng *“đặt câu hỏi đúng quan trọng hơn ngàn lần tìm câu trả lời đúng cho một câu hỏi sai”.*

Kỹ năng đặt câu hỏi vừa là yêu cầu, vừa thể hiện trình độ, thái độ của người làm công tác xã hội trường học trường trường học.

*Kỹ năng đặt câu hỏi trong công tác xã hội trường học là sự vận dụng tri thức, kinh nghiệm của người làm công tác xã hội trường học vào hành vi sử dụng câu hỏi hợp lý hướng tới cảm xúc, suy nghĩ và hành vi của học sinh, thái độ khích lệ họ chia sẻ nhằm khám phá thông tin, đồng thời giúp họ tự nhận thức về bản thân và hoàn cảnh, đồng thời tìm được giải pháp phù hợp liên quan đến vấn đề gặp phải.*

*Mục đích của kỹ năng đặt câu hỏi: Giúp người làm công tác xã hội trường học* khai thác thông tin liên quan đến vấn đề của học sinh, để tạo sự tương tác tích cực trong công tác xã hội trường học, để giúp học sinh tự nhận thức được rõ hơn về bản thân và hoàn cảnh để thay đổi theo hướng tích cực.

*Cách thức sử dụng kĩ năng đặt câu hỏi đối với người làm công tác xã hội trường học:*

– Biết cách đặt câu hỏi:

+ Sử dụng các loại câu hỏi một cách hợp lý, linh hoạt, trong đó người làm công tác xã hội trường học sử dụng nhiều câu hỏi mở (bắt đầu với các từ như: cái gì, điều gì, hay kết thúc với các từ: như thế nào, ra sao…, câu hỏi trực tiếp hướng tới cảm xúc, tới bản thân học sinh…).

+ Sử dụng câu hỏi đóng (đúng - sai, phù hợp hay không phù hợp,...) một cách hạn chế, có suy xét (chỉ trong những trường hợp cần thiết, nhất là đối với học sinh tuổi còn nhỏ như trẻ mẫu giáo, tiểu học ở đầu cấp).

+ Không né tránh mà nên sử dụng những câu hỏi về cảm xúc, suy nghĩ cá nhân học sinh.

+ Tránh sử dụng nhiều câu hỏi bắt đầu bằng tại sao/vì sao.

+ Tránh sử dụng câu hỏi đa nghĩa, câu hỏi có nhiều từ hỏi dễ tạo cảm giác bị hỏi dồn dập.

– Định hướng rõ nội dung hỏi:

+ Hỏi về cảm xúc, suy nghĩ, hành vi của học sinh, không chỉ hỏi về diễn biến nguyên nhân vấn đề.

Ví dụ:

*Em cảm thấy như thế nào khi mẹ em cấm em yêu?*

*Em thấy thế nào về hình phạt của nhà trường?*

+ Hỏi về thông tin liên quan hiện tại chứ không chỉ về quá khứ.

*Bây giờ em đang cảm thấy như thế nào?*

+ Không né tránh hỏi về cảm xúc, hay vấn đề “tế nhị”.

+ Hỏi về suy nghĩ, mong muốn, nhu cầu và hướng giải pháp của chính học sinh

*Em là người trong cuộc, em định xử lý thế nào với việc bị thầy giáo mắng vì đi học muộn?*

*Em thử nghĩ xem có cách nào giải quyết tốt hơn không?*

+ Chú ý hỏi những điều học sinh quan tâm.

– Có thái độ/ hành vi khích lệ trong khi hỏi:

+ Lắng nghe và chú ý quan sát những phản ứng của đối tượng.

+ Tôn trọng sự im lặng, dành thời gian cho đối tượng suy nghĩ.

+ Thể hiện thái độ lắng nghe, tôn trọng, không phê phán.

+ Có hành vi khích lệ như phản hồi, tóm lược, khen ngợi…

– Biết làm chủ tiến trình hỏi: Xác định thời điểm hỏi, tần suất hỏi phù hợp. Không hối thúc, không vội vàng. Không dẫn dắt học sinh theo ý kiến chủ quan của mình.

***4.1.4. Kỹ năng quan sát***

Trong công tác xã hội trường học, kỹ năng quan sát là kỹ năng quan trọng khi làm việc với học sinh, đặc biệt khi làm việc với học sinh là học sinh. Hiểu được những bức thông điệp ngầm được chuyển tải không bằng lời có thể giúp người làm công tác xã hội trường học hiểu được học sinh đang suy nghĩ và cảm xúc như thế nào. Quan sát cần phải diễn ra liên tục, trong suốt quá trình thực hiện hoạt động công tác xã hội trường học.

*Kỹ năng quan sát là sự vận dụng tri thức, kinh nghiệm nghề nghiệp để thu thập các thông tin cần thiết trong quá trình thực hiện hoạt động công tác xã hội trường học của người làm công tác xã hội trường học.*

*Mục đích của kỹ năng quan sát: KN quan sát giúp người làm công tác xã hội nhận định* chính xác suy nghĩ, cảm xúc, hành vi của học sinh giúp quá trình thực hiện hoạt động công tác xã hội trường học đạt hiệu quả hơn.

Các thao tác tiến hành kỹ năng quan sát đối với người làm công tác xã hội trường học:

– Xác định rõ mục đích, nội dung quan sát: Quan sát dáng vẻ tổng quát, hành vi, cách nói chuyện, ngôn ngữ được sử dụng, tâm trạng và cảm xúc, sự thống nhất giữa lời nói và biểu hiện của nét mặt, cử chỉ của học sinh khi tiếp xúc.

– Ghi nhớ/ghi chép lại nội dung quan sát được thông qua các hoạt động của học sinh (hoạt động học tập, hoạt động giao tiếp với bạn, với thầy cô, hoạt động vui chơi,...).

– Tập trung chú ý khi quan sát và quan sát đa chiều học sinh khi cần tìm hiểu các thông tin liên quan đến học sinh.

– Điều chỉnh ánh mắt phù hợp với tình huống quan sát học sinh khi thực hiện hoạt động công tác xã hội trường học. Không nhìn chằm chằm, không nhìn trộm...

Trong khi quan sát người làm công tác xã hội trường học cần chú ý: Theo dõi những biểu hiện trên nét mặt, động tác chân tay, tư thế và điệu bộ của học sinh, “ngôn ngữ cơ thể”,... Phong cách giao tiếp của học sinh cởi mở hay khép kín; cách đứng ngồi thoải mái hay gò bó; cử chỉ có tự nhiên không; nét mặt bình thường hay có vẻ đặc biệt; ánh mắt có chú ý hay lơ là nhìn xuống; Cách ăn mặc bình thường hay kỳ dị, khác người,... Ghi chú những sự khác nhau giữa ngôn ngữ bằng lời nói với ngôn ngữ không bằng lời, sự khác nhau giữa những điều đã nói ra và ý nghĩa của nó: liệu ngôn ngữ thân thể có trái ngược với lời nói hay không?

Như vậy. khi quan sát, người làm công tác xã hội trường học cần nắm được:

– Dáng vẻ tổng quát của học sinh ⇒ biểu lộ bên ngoài của ý muốn bên trong. Cần chú ý tránh áp đặt thành kiến và những khuôn mẫu khi diễn giải dáng vẻ tổng quát của học sinh.

– Quan sát hành vi: người làm công tác xã hội trường học cần quan sát cử chỉ, hành vi của học sinh. Tuy nhiên cần thận trọng trong việc đánh giá học sinh qua quan sát hành vi bởi vì học sinh thường biết cách giấu các suy nghĩ, cảm xúc và hành vi của mình.

– Lời nói và ngôn ngữ: người làm công tác xã hội cần quan sát thấy điều gì được nói ra, nói như thế nào, ngôn ngữ được sử dụng của học sinh. Điều được nói ra cho chúng ta biết học sinh đang nghĩ gì, cung cấp thông tin về thế giới riêng tư của họ.

**Ví dụ:**

|  |  |
| --- | --- |
| PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **TRƯỜNG MẦM NON...** | **Độc lập –Tự do- Hạnh phúc** |

**BIÊN BẢN QUAN SÁT TRÒ CHƠI CỦA TRẺ**

Họ và tên học sinh:............. Ngày sinh:.........

Ngày quan sát: ngày.....tháng...... năm 20...... Thời gian từ..... đến......

**I. NỘI DUNG QUAN SÁT**

Họ và tên giáo viên:

***Các góc chơi****,* ***trò chơi của trẻ:***

\* Trò chơi phân vai theo chủ đề

\* Trò chơi xây dựng

\* Trò chơi học tập

\* Góc chơi động

\* Góc hoạt động với đồ vật

**II. NHỮNG BÀI HỌC KINH NGHIỆM**

*Ngày... tháng... năm 20....*

**Người quan sát**

**4.2. Nhóm kỹ năng chuyên biệt**

# *4.2.1. Kỹ năng phát hiện sớm vấn đề của học sinh*

*Kỹ năng phát hiện sớm là sự vận dụng tri thức, kinh nghiệm để tìm tòi những dấu hiệu cho thấy học sinh có vấn đề hành vi, cảm xúc cần phải được trợ giúp hoặc những vấn đề nổi cộm của học sinh toàn trường cần được can thiệp kịp thời.*

*Mục đích của kỹ năng phát hiện sớm:* Giúp người làm công tác xã hội trường học phát hiện sớm những vấn đề của học sinh, qua đó đề xuất các biện pháp để ngăn ngừa hoặc giảm thiểu những tác động tức thời hoặc dài hạn của những vấn đề sức khoẻ tinh thần ở học sinh.

Người làm công tác xã hội trường học sử dụng kỹ năng phát hiện sớm để:

– Nhận diện những vấn đề nổi cộm của học sinh theo lớp, khối lớp hoặc toàn trường.

– Nhận diện những học sinh có vấn đề

– Đánh giá những dữ liệu thu được dựa trên việc kết hợp các nguồn thông tin khác nhau;

– Lên kế hoạch sử dụng những dữ liệu đã được sàng lọc: Cung cấp cho nhà trường, giáo viên, cha mẹ học sinh; phòng ngừa, theo dõi và trợ giúp kịp thời.

Những thời điểm có thể tiến hành phát hiện và sàng lọc đối với học sinh:

– Tập trung vào những năm chuyển tiếp;

– Các cấp học/Trường học có một số lượng lớn học sinh có các vấn đề về hành vi/xúc cảm;

– Những học sinh mới vào trường;

– Những học sinh khó hoàn thành các bài kiểm tra;

– Trước khi rời khỏi trường học để chuyển cấp.

Những vấn đề thường gặp ảnh hưởng đến việc học tập, cảm xúc và hành vi của học sinh có thể được nhận diện sớm:

– Lo âu, stress trong học tập;

– Bị bắt nạt/ bắt nạt qua mạng;

– Những vấn đề liên quan đến gia đình;

- Những vấn đề trong mối quan hệ với bạn bè;

– Vấn đề chậm ngôn ngữ, rối loạn hành vi, vận động thô, vận động tinh, vấn đề tăng động, giảm chú ý, tự kỷ;

– Vấn đề trầm cảm;

– Hành vi tự làm đau mình và những người khác;

– Trầm cảm;

– Những khó khăn trong học tập;

– Bỏ học hoặc học tập sa sút;

- LGBT,...

Ví dụ: Người làm công tác xã hội trường học vào đầu năm học, kết thúc học kì hoặc kết thúc năm học có thể sử dụng kĩ năng phát hiện sớm vấn đề thông qua việc sử dụng một số bài test đơn giản để đánh giá vấn đề của học sinh thông qua thu thập thông tin từ cha mẹ:

**TRƯỜNG THCS ....................**

**Lớp: .........................................**

**Năm học: ..................................**

**HOẠT ĐỘNG CHIA SẺ CỦA PHỤ HUYNH**

Để tìm ra phương pháp giáo dục phù hợp đối với mỗi học sinh, kính mong quý phụ huynh hoàn thành nội dung phiếu thăm dò ý kiến sau:

**Một số vấn đề anh (chị) lo lắng trong việc giao tiếp và giáo dục con:**

*(Tích dấu X vào phương án phù hợp)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Vấn đề** | **Thường xuyên** | **Thỉnh thoảng** | **Chưa bao giờ** | **Ý kiến khác** |
| 1. Con chưa tự giác trong học tập và chưa hoàn thành các việc cá nhân trong sinh hoạt |  |  |  |  |
| 2. Con chưa tập trung khi tự học |  |  |  |  |
| 3. Con chưa chăm chỉ trong việc tự học |  |  |  |  |
| 4. Con chưa có hoặc chưa tìm ra phương pháp học hiệu quả |  |  |  |  |
| 5. Con sử dụng điện thoại (hoặc máy tính) quá 2h mỗi ngày ngoài thời gian học |  |  |  |  |
| 6. Con có tài khoản và sử dụng facebook cá nhân |  |  |  |  |
| 7. Con chơi game trên điện thoại, máy tính quá 2h/ngày |  |  |  |  |
| 8. Con gặp khó khăn trong việc kết bạn |  |  |  |  |
| 9. Con ít trò chuyện cùng bố/mẹ |  |  |  |  |
| 10. Con cãi lại hoặc phản ứng gay gắt với bố/ mẹ |  |  |  |  |
| 11.Con dễ nổi cáu hoặc giận dỗi |  |  |  |  |
| 12. Con thích trò chuyện hoặc đi chơi cùng nhóm bạn hơn trước. |  |  |  |  |
| 13. Con có cảm xúc với bạn khác giới |  |  |  |  |
| 14. Con nói dối bố/ mẹ |  |  |  |  |
| 15. Con căng thẳng trong học tập |  |  |  |  |
| 16. Con cảm thấy cô đơn |  |  |  |  |
| 17. Con chưa giúp đỡ gia đình những việc vừa sức (cắm cơm, quét dọn nhà, rửa bát…) hoặc làm với thái độ khó chịu |  |  |  |  |
| 18. Con sử dụng ngôn ngữ chưa phù hợp (tiếng lóng, nói tục….) |  |  |  |  |

Họ và tên phụ huynh:………………….

Là phụ huynh của học sinh:……………

Lớp:…………………………………….

*Xin trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Quý phụ huynh!*

# *4.2.2. Kỹ năng xây dựng và tổ chức các hoạt động phòng ngừa trong nhà trường*

Trong trường học, phòng ngừa là một việc làm cần thiết nhằm ngăn chặn sự phát triển của những vấn đề gặp phải của học sinh tạo nên môi trường phát triển tốt, giúp tăng cường sức khoẻ tinh thần cho học sinh. Trong quy trình công tác xã hội trường học, cấp độ 2 chính là cấp độ phòng ngừa.

Điều quan trọng là phòng ngừa có thể đáp ứng nhu cầu của học sinh, gia đình, trường học và cộng đồng, nhằm đưa ra một cách thức để trợ giúp cho nhiều người hơn và đây nên là chức năng đầu tiên của người làm công tác xã hội trường học.

Từ những phân tích trên chúng tôi quan niệm:

*Kỹ năng xây dựng và tổ chức các hoạt động phòng ngừa trong nhà trường là sự vận dụng tri thức, kinh nghiệm vào thiết kế, triển khai và đánh giá việc áp dụng các chính sách toàn trường nhằm ngăn ngừa hoặc giảm thiểu các nguy cơ gặp phải của học sinh.*

*Mục đích của kỹ năng:* Giảm thiểu hoặc ngăn chặn sự phát triển của những vấn đề gặp phải của học sinh, tăng cường sức khoẻ tâm thần cho học sinh.

Các biểu hiện/ thao tác tiến hành kỹ năng:

– Thu thập, phân tích, đánh giá những vấn đề nổi cộm của học sinh trong trường (bạo lực học đường, bỏ học, kỳ thị, lo âu trước mùa thi…);

– Lựa chọn vấn đề cần thiết có thể tổ chức các chương trình phòng ngừa hiệu quả và huy động nguồn lực;

– Thiết kế các chương trình phòng ngừa và triển khai toàn trường: xác định mục tiêu, đối tượng, xây dựng nội dung, thời gian, cách thức thực hiện, nhân lực;

– Đánh giá hiệu quả và điều chỉnh.

Các hoạt động phòng ngừa người làm công tác xã hội trường học có thể cung cấp:

– Sàng lọc sức khoẻ tinh thần và học tập;

– Các chương trình nâng cao năng lực xã hội;

– Đưa ra những sáng kiến an toàn học đường;

– Tập huấn khả năng phục hồi;

– Ngăn ngừa tự tử;

– Giáo dục phòng chống thuốc lá, ma túy;

– Phòng chống bắt nạt, bạo lực trong trường học;

– Đào tạo/ tập huấn cho cha mẹ;

– Giáo dục giá trị sống;

– Bồi dưỡng khả năng đọc, viết sớm.

Ví dụ về một chương trình phòng ngừa:

**CHƯƠNG TRÌNH PHÒNG NGỪA DÀNH CHO HỌC SINH TRUNG HỌC CƠ SỞ**

ĐỐI TƯỢNG THAM GIA: PHỤ HUYNH HỌC SINH

***CHỦ ĐỀ*: GIÚP CON HỌC TẬP TỐT KHI VÀO LỚP 9**

**1: Mục tiêu và kết quả**

|  |  |
| --- | --- |
| **Mục tiêu của nhà tham vấn  trường học** | **Kết quả của phụ huynh** |
| – Chia sẻ một số kiến thức về phát triển tâm sinh lý.  – Tổ chức cho phụ huynh tham gia các trải nghiệm, khám phá.  – Tương tác để phụ huynh cùng chia sẻ.  – Đưa ra tình huống đóng vai.  – Tổng kết thông tin. | – Nhận ra đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi của con mình.  – Phụ huynh tham gia trải nghiệm.  – Tích cực hợp tác.  – Biết được một số khó khăn học sinh hay gặp phải.  – Định hướng giải quyết vấn đề.  – Có được một số kỹ năng. |

**2: Nội dung chương trình**

Chương trình gồm các nội dung:

– Cung cấp thông tin;

– Phụ huynh cùng trải nghiệm;

– Tương tác;

– Nhận xét, đánh giá, kết luận.

**3: Người thực hiện, đối tượng tham gia, thời gian và địa điểm thực hiện**

*3.1. Đối tượng tham gia*

– Phụ huynh có con học lớp 9.

– Số lượng khoảng 35 – 40 người.

*3.2. Nhóm thực hiện*

– Người làm công tác xã hội trường học.

– Bên cạnh đó còn có sự giúp đỡ của giáo viên chủ nhiệm, các lực lượng khác….

*3.3. Thời gian*

– Dự kiến được tiến hành vào đầu năm học khi các em bắt đầu chương trình học chính thức.

– Thời gian tiến hành: khoảng 120 phút.

**4: Học cụ và thiết bị**

– Máy chiếu, bảng, giấy A4, bút,…

– Máy tính.

– Bản kết quả khảo sát đánh giá.

– Phiếu đánh giá cuối buổi.

**5: Kế hoạch chi tiết**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Thời gian** | **Tên hoạt động** | **Mục đích của hoạt động** | **Cách thực hiện/ cách tiến hành hoạt động** | **Công cụ trợ giúp** | **Người thực hiện** |
| 1 | 10’ | Khởi động | – Để phụ huynh thoải mái; thư giãn. – Giúp phụ huynh chú ý, tập trung. | Cho phụ huynh tham dự các tiết mục văn nghệ do các con mình thực hiện. | Loa, máy tính, các trang phục, dụng cụ phục vụ cho các tiết mục. | Các học sinh. |
| 2 | 5’ | Giới thiệu chương trình | Biết thông tin cụ thể về chương trình, lý do thực hiện chương trình. | – Trình bày. – Tuyên bố lý do. – Giới thiệu chương trình. – Cung cấp thông tin thực tế thu được từ khảo sát. – Phát tài liệu. | Tài liệu, máy tính, máy chiếu. | Người làm công tác xã hội trường học. |
| 3 | 55’ | Trao đổi | – Giúp phụ huynh hiểu đặc điểm lứa tuổi này. – Biết những khó khăn lứa tuổi này hay gặp phải. – Phụ huynh hiểu được thế nào là giúp con học tập đúng cách, phù hợp. – Xây dựng môi trường và tạo hứng thú học tập cho con. – Xác định thiên hướng học tập cụ thể của con; lựa chọn phương pháp học tập phù hợp với con nhất. – Phương pháp để động viên và khuyến khích con; giúp con tạo động lực trong học tập. | – Chiếu Clip. – Thuyết trình bằng Slide. | Máy tính, máy chiếu, loa. | Người làm công tác xã hội trường học. |
| 4 | 20’ | Phụ huynh cùng trải nghiệm | – Giúp phụ huynh trải nghiệm những cảm xúc cụ thể qua các tình huống. – Có thêm những kỹ năng, cách ứng xử… giúp con học tập tốt khi vào lớp 9 cuối cấp. – Nhận thức lại cách ứng xử, cách thức, biện pháp… giúp con. | – Hai phụ huynh ngồi cạnh nhau tạo thành một cặp, họ sẽ thay phiên nhau đóng vai cha (hoặc mẹ) – con cái trong các tình huống đã được phát sẵn. – Sau khi đóng vai xong các bậc phụ huynh sẽ chia sẻ về cách ứng xử của bậc cha mẹ trong các tình huống và chia sẻ cảm nhận, suy nghĩ khi là con trong các tình huống. – Người làm công tác xã hội trường học nhận xét, đánh giá, kết luận. | Tài liệu, tình huống. | Các bậc phụ huynh, Người làm công tác xã hội trường học. |
| 5 | 20’ | Tương tác | – Giải thích những thắc mắc cho phụ huynh. – Gợi ý một số biện pháp cho một số trường hợp khó khăn trong học tập, giao tiếp khi con bước vào lớp 9 cuối cấp. | – Các bậc phụ huynh sẽ đặt ra các câu hỏi thắc mắc của mình cho Người làm công tác xã hội trường học. – Phụ huynh có thể chia sẻ những khó khăn mà mình đang gặp phải trong việc giúp con học tập, giao tiếp khi bước vào lớp 9. – Người làm công tác xã hội trường học tóm lược, kết luận. | Tài liệu. | Các bậc phụ huynh, Người làm công tác xã hội trường học. |
| 6 | 10’ | Tổng kết | – Giúp phụ huynh củng cố thông tin. – Đánh giá, lượng giá lại chương trình. | – Tóm tắt lại nội dung chương trình. – Phụ huynh nhận xét về chương trình vào phiếu nhận xét. | Máy tính, máy chiếu, phiếu đánh giá. | Người làm công tác xã hội trường học, phụ huynh. |

# *4.2.3. Kỹ năng phối hợp các lực lượng giáo dục trong hỗ trợ học sinh*

Việc thiết lập, duy trì và phát triển mối quan hệ hợp tác giữa người làm công tác xã hội trường học và các lực lượng giáo dục trong nhà trường là một trong những nhiệm vụ của người làm công tác xã hội trường học. Thực tế cho thấy có những vấn đề gặp phải của học sinh nếu không có sự kết hợp giữa người làm công tác xã hội trường học với gia đình và giáo viên thì không thể giải quyết được một cách hiệu quả. Tuy nhiên, không ít người làm công tác xã hội trường học gặp nhiều khó khăn trong việc kết nối gia đình, nhà trường, cộng đồng, chủ yếu do nhiều giáo viên, cha mẹ học sinh chưa nhận thức được đầy đủ về tầm quan trọng của công tác xã hội trường học; do vị trí, vai trò của người làm công tác xã hội trường học chưa được chính thức hoá trong nhà trường.

Ở đây câu hỏi đặt ra với người làm công tác xã hội trường học là:

– Khó khăn thách thức thường gặp trong phối kết hợp với các lực lượng giáo dục là gì?

– Bản chất của mối quan hệ hợp tác giữa người làm công tác xã hội trường học với nhà trường, gia đình và cộng đồng là gì?

– Có thể bắt đầu từ đâu để thiết lập, duy trì và phát triển mối quan hệ với cán bộ, giáo viên trong trường, với cha mẹ học sinh và cộng đồng?

Từ những phân tích trên chúng tôi quan niệm:

*Kỹ năng phối hợp các lực lượng giáo dục là sự vận dụng tri thức, kinh nghiệm vào việc kết nối các nguồn lực trong gia đình, nhà trường, cộng đồng một cách hiệu quả để hỗ trợ học sinh trong việc tự giải quyết vấn đề.*

*Mục đích của kỹ năng:* Giúp người làm công tác xã hội trường học huy động, khai thác có hiệu quả các nguồn lực để trợ giúp học sinh giải quyết vấn đề gặp phải.

*Các thao tác tiến hành kỹ năng phối hợp các lực lượng giáo dục trong hỗ trợ học sinh*

– Xác định rõ tầm quan trọng/mức độ ảnh hưởng của các lực lượng giáo dục đối với việc cải thiện tình trạng của học sinh.

– Xác định mục tiêu, lên kế hoạch tổng thể về kết nối các lực lượng giáo dục trên cơ sở xác định điểm mạnh, điểm yếu của các lực lượng giáo dục cần huy động.

– Kết nối các lực lượng giáo dục theo mục tiêu chung.

– Kiểm tra hiệu quả và điều chỉnh.

Để có thể thiết lập, duy trì và phát triển mối quan hệ hợp tác tích cực với nhà trường, gia đình và cộng đồng đòi hỏi người làm công tác xã hội trường học phải khẳng định được vị trí, vai trò của mình trong nhà trường, những lợi ích đem lại cho sự phát triển của học sinh, bên cạnh đó người làm công tác xã hội trường học phải có khả năng giao tiếp và thuyết phục tốt.

Các bước tiến hành phối hợp các lực lượng giáo dục:

– Bước 1: Xác định rõ tầm quan trọng/mức độ ảnh hưởng của các lực lượng giáo dục đối với việc cải thiện tình trạng của học sinh.

– Bước 2: Xác định mục tiêu, lên kế hoạch tổng thể.

– Bước 3: Kết nối các lực lượng theo mục tiêu chung.

– Bước 4: Kiểm tra hiệu quả và điều chỉnh.

Ví dụ: Em An là học sinh lớp 6 ở trường THCS thuộc xã nghèo, huyện nghèo của tỉnh Bắc Kạn. Em mồ côi mẹ từ khi mới 5 tuổi, đến lớp 6 bố em vừa qua đời. Em hiện tại đang sống với ông bà nội cùng em gái đang học lớp 4 ở trường tiểu học. Ông bà hoàn cảnh kinh tế khó khăn, thuộc hộ nghèo, sức khoẻ yếu hầu như thu nhập không đảm bảo cuộc sống. Em có học lực khá nhưng trường em ở khá xa nhà.

Người làm công tác xã hội trường học khi sử dụng kỹ năng phối hợp các lực lượng giáo dục trong hỗ trợ học sinh cần xác định rõ những lực lượng giáo dục trong và ngoài trường có thể huy động để hỗ trợ cho em học sinh này tiếp tục được đi học.

Huy động cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường đóng góp tiền để hỗ trợ thêm cho em, giúp em mua sắm đồ dùng học tập, cũng như trang trải một phần khó khó khăn.

Huy động sự tham gia của chính quyền xã để hỗ trợ em trong việc làm thủ tục liên quan đến trẻ mồ côi.

Huy động các nguồn lực giáo dục khác để có thể giúp em ngày cuối tuần có thể về nhà an toàn....

# *4.2.4. Kỹ năng lập và lưu trữ hồ sơ của học sinh*

*Kỹ năng lập và lưu trữ hồ sơ của học sinh là sự vận dụng tri thức, kinh nghiệm vào việc lưu giữ đầy đủ và khoa học những thông tin về học sinh, đảm bảo tính bí mật và an toàn, để có thể theo dõi, giám sát những thay đổi/tiến bộ của học sinh và làm cơ sở cho những kế hoạch trợ giúp, can thiệp nếu có trong tương lai.*

*Mục đích của kỹ năng:* Trong công tác xã hội trường học việc lưu giữ hồ sơ của học sinh là rất cần thiết để làm cơ sở, căn cứ cho những kế hoạch trợ giúp và can thiệp tiếp theo; theo dõi và giám sát những thay đổi/tiến bộ của học sinh, đảm bảo tính liên tục trong tiến trình trợ giúp; cung cấp thông tin cho các cơ quan chức năng trong các trường hợp cấp thiết; cung cấp dữ liệu nghiên cứu và báo cáo định kỳ.

Các biểu hiện/ thao tác tiến hành kỹ năng:

- Người làm công tác xã hội trường học cần thiết kế biểu mẫu lưu trữ rõ ràng, khoa học.

- Người làm công tác xã hội trường học lưu thông tin một cách an toàn và bảo mật. Cần mã hoá hồ sơ, những thông tin gì không liên quan thì không lưu, khi lưu hồ sơ trên máy tính cần đặt mật khẩu.

- Cập nhật thường xuyên những thay đổi của học sinh

- Tìm kiếm và sử dụng dữ liệu dễ dàng, nhanh chóng khi cần thiết.

Những nội dung cơ bản cần lưu trữ trong hồ sơ học sinh người làm công tác xã hội trường học cần thu thập là:

- Thông tin chung (tên, tuổi, giới tính, thời gian…);

- Lý do chuyển đến;

- Thông tin cơ sở về học sinh;

- Tình trạng sức khoẻ;

- Lịch sử và hoàn cảnh gia đình;

- Cộng đồng/môi trường xã hội;

- Xác định/ đánh giá vấn đề;

- Điểm mạnh/điểm yếu;

- Nguyên nhân của vấn đề;

- Kế hoạch can thiệp, trợ giúp;

- Những can thiệp đã thực hiện;

- Kết quả đã đạt được;

- Kế hoạch tiếp theo cho ca (nếu có).

**DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO**

[1] Armando T. Morales, Braddford W. Sheafor, *Social Work A Profession of Many Faces.* Eighth Edition, Pearson - Allyn and Bacon, Sydney, Australia, 1998

[2] Mai Ngọc Anh, *An sinh xã hội đối với nông dân trong nền kinh tế thị trường ở Việt Nam,* Nxb Chính trị Quốc gia, H.2010.

[3] Vũ Ngọc Bình, *Quyền trẻ em trong pháp luật quốc gia và quốc tế,* Nxb Chính trị Quốc gia, H. 1995.

[4] Học viện Hành Chính Quốc gia, Huyện ủy huyện Kỳ Anh, Hà Tĩnh, *Xóa đói giảm nghèo, phát triển cộng đồng bền vững ở huyện Kỳ Anh, Hà Tĩnh,* Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, 2004.

[5] Trường Cao đẳng Lao động - Xã hội. *Công tác xã hội*. Nhà xuất bản Lao động - Xã hội, Hà Nội 2001

[6] GS.TS Phạm Huy Dũng, *Bài giảng công tác xã hội – lý thuyết và thực hành công tác xã hội trực tiếp,* Nhà xuất bản ĐHSP, 2007.

[7] Lê Bạch Dương, Đặng Nguyên Anh, Khuất Thu Hồng, Lê Hoài Trung, Robert Leroy Bach, *Bảo trợ xã hội cho những nhóm thiệt thòi ở Việt Nam,* Nxb Thế giới, H.2005

[8] Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX,* Nxb Chính trị Quốc gia, H.2001.

[9] Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X,* Nxb Chính trị Quốc gia, H.2006.

[10] Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI,* Nxb Chính trị Quốc gia – Sự thật, H.2011.

[11] Nguyễn Ngọc Lâm, *Các vấn đề xã hội và an sinh xã hội,* Đại học Mở Bán công Thành phố Hồ Chí Minh, 1994.

[12] Louise C. Johnson, Stephen J. Yanca, *Social Work Practice A Generalist Approach.* Eighth edition, Peason, New York, US, 2004.

[13] Nguyễn Thị Thái Lan, *Giáo trình Công tác xã hội nhóm,* Nhà xuất bản Lao động - xã hội, 2008

[10] Marianne Schneider Corey, Gerald Corey, *Groups Process and Practice* (Sixth Edition, Brooks/Cole – Thomson Learning, Austraylia, Canada, Mexico, Singapore, Spain, United Kingdom, United States, 2002)

[15] Mai Quỳnh Nam, *Trẻ em, gia đình và xã hội,* Nxb Chính trị Quốc gia, H. 2004.

[16] Nguyễn Duy Nhiên, *Công tác xã hội nhóm,* Nhà xuất bản Đại học Sư phạm, H.2010

[17] Nguyễn Duy Nhiên, *Nhập môn Công tác xã hội,* Nhà xuất bản Lao động, 2008

[18] Nguyễn Thị Oanh. *Công tác xã hội đại cương* (Công tác xã hội với cá nhân và nhóm). Nhà xuất bản Giáo dục 1998.

[19] Lê Thị Quý, Đặng Vũ Cảnh Linh, *Bạo lực gia đình một sự sai lệch giá trị,* Nxb Khoa học Xã hội, H.2007

[21] Nguyễn Thị Thanh, *Đảng lãnh đạo thực hiện chính sách xã hội trong thời kỳ đổi mới,* Nxb Chính trị Quốc gia, H.2011

[22] Đỗ Thị Tường Vi, *Nghiên cứu kỹ năng công tác xã hội đối với cán bộ Đoàn, Hội, Đội,* Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ, Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, 2011.

[23] William G. Brueggemann, *The Practice of Macro Social Work.* Second Edition, Nelson Thomson Learning, Toronto, Canada, 2002.

[24] Wynetta Devore, Elfriede G. Schlesinger, *Ethnic – Sensitive Social Work Practice.* Fourth Edition, Allyn and Bacon, Singapore, 1999.

[23] Robert Adams, Lena Dominelli và Malcolm Payne, *SOCIAL WORK – Themes, Issues and Critical debates”*Nhà xuất bản: PALGRAVE, 2002

[24] David R.Dupper, SCHOOL SOCIAL WORK, Skills & Interventions for effective practice, JohnWiley & Sons, Inc (Năm xuất bản 2003)

[25] Các web site:

[*www.phunuonline.com.vn*](http://www.phunuonline.com.vn)*;* [*www.dantri.com.vn*](http://www.dantri.com.vn)*;*

[*www.google.com.vn*](http://www.google.com.vn)*;* [*www.vietnamnet.vn*](http://www.vietnamnet.vn)*;*

[*www.cpv.org.vn*](http://www.cpv.org.vn)*;* [*www.chatdocdacam.vn*](http://www.chatdocdacam.vn)*;*

[*www.giadinh.net.vn*](http://www.giadinh.net.vn)*;* [*www.molisa.gov.vn*](http://www.molisa.gov.vn)*;* [*www.halongcity.gov.vn*](http://www.halongcity.gov.vn)*;*

[*www.nguhanhson.danang.gov.vn*](http://www.nguhanhson.danang.gov.vn)*;* [*www.baomoi.com.vn*](http://www.baomoi.com.vn)*...*